

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐINH VIỆT CHÂU KHOA

**MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT
THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN
TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN HÒA VANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

**2012 | PDF | 92 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng- Năm 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐINH VIỆT CHÂU KHOA

**MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT
THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN
TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN HÒA VANG**

Chuyên ngành: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Mã số: 60.34.20

2012 | PDF | 92 Pages
buihuuhanh@gmail.com

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Người hướng dẫn khoa học: TS. VÕ DUY KHƯƠNG

Đà Nẵng- Năm 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Đinh Việt Châu Khoa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN	5
1.1. HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	5
1.1.1. Khái niệm về cho vay	5
1.1.2. Phân loại về cho vay	5
1.2. HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN.....	8
1.2.1. Hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn	8
1.2.1.1. <i>Khái niệm hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn</i>	
1.2.1.2. <i>Vai trò của kinh tế hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn đối với nền kinh tế</i>	9
1.2.2. Đặc điểm của hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn trong quan hệ với NHTM	11
1.3. MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN	13
1.3.1. Nội dung mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn	13
1.3.2. Tiêu chí đánh giá kết quả mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn	15
1.3.2.1. <i>Mức tăng trưởng dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn</i>	15

1.3.2.2. <i>Mức tăng trưởng số lượng khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng</i>	16
1.3.2.3. <i>Mức tăng dư nợ bình quân trên một khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng</i>	17
1.3.2.4. <i>Mức độ đa dạng hóa trong cơ cấu cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng</i>	17
1.3.2.5. <i>Mức độ hoàn thiện trong chất lượng cung ứng dịch vụ</i>	17
1.3.2.6. <i>Mức độ kiểm soát rủi ro cho vay</i>	17
1.3.3. <i>Nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn</i>	18
1.3.3.1. <i>Các nhân tố bên ngoài</i>	18
1.3.3.2. <i>Các nhân tố bên trong</i>	20
1.3.3.3. <i>Sự cần thiết phải mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn</i>	22
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	24
Chương 2 - THỰC TRẠNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG	25
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HUYỆN HÒA VANG	25
2.1.1. <i>Điều kiện tự nhiên</i>	25
2.1.2. <i>Kinh tế - Xã hội</i>	26
2.2. TỔNG QUAN VỀ CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG	28
2.2.1. <i>Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang</i>	28

2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.....	28
2.2.2.1. Chức năng.....	28
2.2.2.2. Nhiệm vụ.....	28
2.2.3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.....	29
2.2.4. Các nghiệp vụ kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang	30
2.2.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang	32
2.2.5.1. Thuận lợi.....	32
2.2.5.2. Khó khăn	33
2.2.5.3 Kết quả kinh doanh.....	34
2.3. THỰC TRẠNG MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG	35
2.3.1. Những biện pháp ngân hàng đã thực hiện để mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thời gian qua	35
2.3.1.1. Tình hình phát triển kinh tế hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn huyện Hòa Vang	35
2.3.1.2. Những biện pháp ngân hàng đã thực hiện để mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thời gian qua.....	42
2.3.2. Phân tích kết quả mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang (2007-2010).....	44
2.3.2.1. Tình hình huy động vốn	44

2.3.2.2. <i>Phân tích kết quả mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn</i>	46
2.3.3. <i>Đánh giá chung về thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang</i>	54
2.3.3.1. <i>Những kết quả và hạn chế</i>	54
2.3.3.2. <i>Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến việc mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo &PTNT huyện Hòa Vang</i>	57
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	59
Chương 3 - GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG	60
3.1. NHỮNG CĂN CỨ ĐỀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	60
3.1.1. <i>Định hướng phát triển của huyện Hòa Vang</i>	60
3.1.1.1. <i>Mục tiêu</i>	60
3.1.1.2. <i>Định hướng phát triển của các vùng</i>	61
3.1.2. <i>Định hướng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang</i>	61
3.1.3. <i>Một số vấn đề có tính nguyên tắc khi đề xuất giải pháp</i>	63
3.2. GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG	63
3.2.1. <i>Giải pháp về mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang</i>	64
3.2.1.1. <i>Tìm kiếm, lựa chọn, thu hút và xây dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng</i>	64

3.2.1.2. Triển khai rộng rãi phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay theo dự án đầu tư đến hộ sản xuất	65
3.2.1.3. Hoàn thiện cơ cấu dư nợ phân theo kỳ hạn nợ.....	66
3.2.1.4. Tăng tỷ trọng cho vay bảo đảm không bằng tài sản	67
3.2.1.5. Mở rộng mạng lưới giao dịch	68
3.2.2. Giải pháp về tăng cường quản trị rủi ro trong quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.....	69
3.2.3. Giải pháp hỗ trợ	71
3.2.3.1. Giải pháp về tăng khả năng huy động vốn	71
3.2.3.2. Nâng cao trình độ cho CBNV, phát triển nguồn nhân lực.....	73
3.2.3.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động quản trị ngân hàng	74
3.2.3.4. Phối hợp giữa ngân hàng và các ngành liên quan trong quá trình mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.....	75
3.2.4. Một số kiến nghị.....	76
3.2.4.1. Đối với các cơ quan chính quyền các cấp.....	77
3.2.4.2.Đối với Chi nhánh NHNo&PTNT thành phố Đà Nẵng và NHNo &PTNT Việt Nam	79
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	79
KẾT LUẬN.....	80
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	82
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (bản sao)	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNH – HĐH	Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa
CBTD	Cán bộ tín dụng
CBNV	Cán bộ nhân viên
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HSX	Hộ sản xuất
GTSX	Giá trị sản xuất
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NHNo&PTNT	Ngân hàng nông nghiệp & Phát triển nông thôn
NHTM	Ngân hàng Thương mại
NN-NT	Nông nghiệp - nông thôn
TCTD	Tổ chức tín dụng
TDNH	Tín dụng ngân hàng
XLRR	Xử lý rủi ro
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm	34
2.2	Một số chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản	36
2.3	Thực trạng huy động vốn qua các năm	45
2.4	Đánh giá tốc độ tăng trưởng dư nợ	46
2.5	Số lượng khách hàng hộ sản xuất qua các năm	47
2.6	Thực trạng dư nợ hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo ngành kinh tế	48
2.7	Thực trạng dư nợ hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo kỳ hạn	49
2.8	Thực trạng dư nợ hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo hình thức bảo đảm tiền vay	51
2.9	Thực trạng nợ xấu hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn qua các năm	53

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Mở rộng cho vay đối với một ngân hàng luôn là vấn đề cần quan tâm nhất, nó thể hiện không chỉ mở rộng quy mô đối tượng, hình thức tín dụng mà cần phải đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình hoạt động tín dụng. Đặc biệt hiện nay sự cạnh tranh giữa các ngân hàng, các tổ chức tín dụng đang ngày càng khốc liệt, đòi hỏi các ngân hàng phải đổi mới các hoạt động của mình, trong đó mở rộng cho vay là một yêu cầu có tính cấp thiết nhằm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của ngân hàng. Điều đó không chỉ thể hiện quan điểm và mục đích hoạt động của ngân hàng mà còn đáp ứng yêu cầu của khách hàng vay vốn, nhất là đối với khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn.

Với chức năng của mình, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang trên cơ sở thực hiện chủ trương của Nhà nước, chi nhánh đã xác định lấy nông nghiệp - nông thôn làm thị trường hoạt động chủ yếu, hộ sản xuất sẽ là khách hàng cơ bản và lâu dài của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang hiện tại và trong tương lai. Hộ sản xuất là lực lượng kinh doanh đông đảo, tạo ra một lượng sản phẩm hàng hoá lớn cho xã hội và đang có nhu cầu tín dụng lớn. Giải quyết được nhu cầu cho hộ sản xuất có ý nghĩa cả về mặt kinh tế, chính trị và xã hội.

Là Ngân hàng nông nghiệp đóng trên địa bàn, nhiều năm qua trong nhiệm vụ kinh doanh chung của mình, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang vẫn luôn coi trọng và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị là đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho người dân trong sản xuất nông nghiệp, cũng như cho các thành phần kinh tế khác có những hoạt động liên quan đến phát triển nông nghiệp - nông thôn góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

nông nghiệp - nông thôn. Tuy nhiên, trong những năm qua đã có nhiều sự thay đổi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu vực nông nghiệp - nông thôn, nhất là thành phố đang trong tiến trình đô thị hóa đòi hỏi phải có sự thay đổi về cách nhìn trong vấn đề tài trợ vốn tín dụng, từ đó mới có thể để đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ cho việc chuyển đổi ngành nghề, chuyển đổi cây trồng, con vật nuôi, cũng như các mô hình đầu tư trong nông nghiệp - nông thôn.

Trong thời gian qua, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang đã có nhiều đổi mới, hoàn thiện, mở rộng cho vay hộ sản xuất trên địa bàn bước đầu đáp ứng yêu cầu mở rộng “đi vay để cho vay” thực hiện chức năng nhiệm vụ, không ngừng nâng cao khả năng và sự phát triển của mình. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề này vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế yếu kém, chi nhánh ngân hàng vẫn chưa có biện pháp cụ thể, thiết thực mang tính đột phá trong quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất trên địa bàn, đặc biệt là mở rộng đối tượng cho vay nhằm tăng quy mô tín dụng, thực hiện tốt chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước cũng như của Ngân hàng và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Vấn đề đặt ra làm thế nào để mở rộng cho vay hộ sản xuất nhưng đồng thời phải đảm bảo hiệu quả tín dụng là vấn đề còn khó khăn đang đặt ra, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu công phu, nghiêm túc mới giải quyết một cách đồng bộ và toàn diện vấn đề này.

Vì vậy, mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn luôn là vấn đề cấp thiết, đòi hỏi Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang tiếp tục nghiên cứu để có giải pháp mang tính thực thi. Điều đó cho thấy, vấn đề mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn cấp bách đặt ra hiện nay. Xuất phát từ lý do nói trên, đề tài: ***“Mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi***

nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Hòa Vang” được chọn làm luận văn cao học cho bản thân, với hy vọng góp phần bổ sung lý luận và thực tiễn trong công tác mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang hiện nay và trong thời gian tới.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận về những vấn đề cơ bản về mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng thương mại.

Phân tích, đánh giá thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang, tìm ra những nguyên nhân của những hạn chế yếu kém về vấn đề này tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang trong 4 năm (2007-2010).

Đề xuất hệ thống các giải pháp mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang trong thời gian đến trên cơ sở nâng cao hiệu quả hoạt động ngân hàng về lĩnh vực này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn tập trung nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại đơn vị và đưa ra các đề xuất giải pháp nhằm mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu giới hạn về thực tế hoạt động cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2007 - 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện, tác giả luận văn đã sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đặc biệt là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp, lý luận gắn với thực tiễn.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Trên cơ sở vận dụng lý luận, phân tích sâu sắc thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang thời gian qua, luận văn đề xuất hệ thống các giải pháp có tính thực thi nhằm mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại chi nhánh ngân hàng trong thời gian tới, ... phù hợp với đặc điểm và sự khác biệt của huyện Hòa Vang.

Đề tài có thể làm tài liệu tham khảo vận dụng vào trong quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang trong thời gian đến.

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn.

Chương 2: Thực trạng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.

Chương 3: Giải pháp mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN
VỀ MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT
THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN

1.1. HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm về cho vay

Cho vay là một quan hệ kinh tế phát sinh giữa các chủ thể trong nền kinh tế với nhau. Trong đó, chủ thể này cho chủ thể khác quyền sử dụng một lượng giá trị hay hiện vật với điều kiện mà hai bên thoả thuận.

Cho vay là một sự nhường quyền sử dụng một khoản tiền giữa Ngân hàng và khách hàng được thoả thuận có hoàn trả gốc và lãi trong một khoảng thời gian nhất định.

Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 số 47/2010/QH12, định nghĩa như sau: Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.[8]

1.1.2. Phân loại về cho vay

Cho vay có thể phân chia thành nhiều loại khác nhau tùy theo những tiêu thức phân loại, cụ thể:

Dựa vào mục đích của cho vay

Theo tiêu thức này, cho vay của ngân hàng có thể phân chia thành các loại sau:

- Cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh công thương nghiệp
- Cho vay mua bán bất động sản
- Cho vay tiêu dùng cá nhân
- Cho vay sản xuất nông nghiệp

- Cho vay kinh doanh xuất nhập khẩu

Dựa vào thời hạn cho vay

NHTM cho vay theo thể loại ngắn, trung dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ đời sống, tiêu dùng và các dự án đầu tư phát triển, ...

Cho vay ngắn hạn: Là loại cho vay có thời hạn không quá 12 tháng, thường để đáp ứng nhu cầu thiếu hụt vốn lưu động của các doanh nghiệp và các nhu cầu cá nhân.

Cho vay trung hạn: Là loại cho vay có thời hạn từ trên 12 tháng đến 60 tháng, nhằm chủ yếu để đầu tư mua sắm tài sản cố định, cải tiến hoặc đổi mới thiết bị, công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng các dự án mới có quy mô nhỏ và thời gian thu hồi vốn tương đối nhanh.

Cho vay dài hạn: Là loại cho vay có thời hạn trên 60 tháng, nhằm để đáp ứng nhu cầu dài hạn như xây dựng mới các công trình dân dụng (nhà ở), công trình công nghiệp (nhà máy, kho bãi, xí nghiệp) hoặc mua sắm các dây chuyền sản xuất, các thiết bị, phương tiện vận tải có quy mô lớn.

Dựa vào hình thức đảm bảo của khoản vay

Cho vay bảo đảm bằng tài sản: Là loại cho vay mà theo đó nghĩa vụ trả nợ của người vay được cam kết bảo đảm thực hiện bằng tài sản cầm cố, thế chấp, hoặc bảo lãnh của một bên thứ ba nào khác, ...

Cho vay bảo đảm không bằng tài sản: Là loại cho vay mà theo đó nghĩa vụ trả nợ của người vay không có cam kết bảo đảm thực hiện bằng tài sản cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh của người khác mà chỉ dựa vào uy tín của khách hàng vay vốn để quyết định cho vay.

Dựa vào phương thức cho vay

Cho vay từng lần: Mỗi lần vay vốn khách hàng và ngân hàng thực hiện thủ tục vay vốn cần thiết và ký kết hợp đồng tín dụng.

Cho vay theo hạn mức tín dụng: Ngân hàng và khách hàng xác định và thoả thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong một khoảng thời gian nhất định.

Cho vay theo dự án đầu tư: Ngân hàng cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống

Cho vay đồng tài trợ: Một nhóm tổ chức tín dụng cùng cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, có một tổ chức tín dụng làm đầu mối dàn xếp, phối hợp với các tổ chức tín dụng khác để thực hiện.

Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: Ngân hàng chấp thuận cho khách hàng được sử dụng số vốn vay trong phạm vi hạn mức tín dụng để thanh toán tiền mua hàng hoá, dịch vụ và rút tiền mặt tại máy rút tiền tự động hoặc điểm ứng tiền mặt là đại lý của ngân hàng.

Cho vay theo hạn mức thấu chi: Là việc cho vay mà ngân hàng thoả thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng trong phạm vi hạn mức tín dụng.

Dựa vào phương thức hoàn trả nợ vay

Cho vay chỉ có một kỳ hạn trả nợ hay còn gọi là cho vay trả nợ một lần khi đáo hạn.

Cho vay có nhiều kỳ hạn trả nợ hay còn gọi là cho vay trả góp

Cho vay trả nợ nhiều lần nhưng không có kỳ hạn nợ cụ thể mà tùy khả năng tài chính của người đi vay có thể trả nợ bất cứ lúc nào.

Dựa vào quan hệ giữa ngân hàng với người vay

Cho vay trực tiếp: Người nhận nợ vay (người được giải ngân) đồng thời cũng là người trả nợ gồm: Cho vay thấu chi, cho vay trực tiếp từng lần, trả góp, ...

Cho vay gián tiếp: Là người nhận nợ vay (người được giải ngân) không

phải là người trả nợ cuối cùng.

1.2. HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN

1.2.1. Hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

1.2.1.1. Khái niệm hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Hộ sản xuất ra đời và hình thành, phát triển cùng với sự phát triển của gia đình trong xã hội. Tuy nhiên, hộ sản xuất theo lịch sử phát triển của xã hội thì thường xuất hiện sau. Theo đó, hộ gia đình thường được hiểu là tập hợp một số người, một nhóm người có quan hệ huyết thống cùng cư trú, sinh sống trong một ngôi nhà, ở một địa điểm cụ thể tại một địa phương, có quan hệ sinh hoạt cuộc sống, lao động sản xuất, tình cảm gắn bó chặt chẽ với nhau. Hộ gia đình cũng có thể chỉ có một người, hoặc hai người ... Hộ gia đình đó có thể tiến hành sản xuất, kinh doanh hay làm dịch vụ nhưng cũng có thể không tiến hành sản xuất, mà làm công nhân, làm thuê hay làm việc trong các cơ quan, trường học hoặc chi hưởng chế độ trợ cấp xã hội.

Về mặt pháp lý, hộ gia đình có đăng ký hộ tịch, hộ khẩu với cơ quan chức năng của Nhà nước.

Hộ sản xuất được hiểu là hộ gia đình tiến hành một hoặc nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, ... khác nhau nhưng trong phạm vi gia đình. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, ... đó có thể là có đăng ký kinh doanh, hoặc không đăng ký kinh doanh nhưng chưa đến mức đăng ký thành lập doanh nghiệp, tùy theo quy định của pháp luật và tùy theo nhận thức, mục đích của gia đình. Nội dung này để phân biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ với hộ gia đình sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. Cũng có thể một gia đình có qui mô sản xuất kinh doanh lớn hơn hoặc bằng một doanh nghiệp nhỏ và vừa, thậm chí họ có thuê thêm lao động bên ngoài, nhưng họ không đăng ký thành lập doanh nghiệp vì họ thấy không cần thiết, hoặc không có lợi

hoặc không bị cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu.

Nông nghiệp là phân ngành trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân, bao gồm các lĩnh vực nông, lâm, diêm nghiệp và thủy sản.[3]

Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn, được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là ủy ban nhân dân xã.[3]

Như vậy, hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn có thể được hiểu là hộ gia đình tiến hành một hoặc nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, ... khác nhau nhưng trong phạm vi gia đình thuộc khu vực nông thôn.

1.2.1.2. Vai trò của kinh tế hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn đối với nền kinh tế

** Kinh tế hộ sản xuất góp phần phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nông nghiệp và nông thôn*

Trong các nền kinh tế chậm phát triển hay đang phát triển, nhất là đối với khu vực Châu Á nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng, hộ sản xuất mà chủ yếu là hộ nông dân chiếm tỷ lệ đông trong tổng số hộ của toàn quốc. Hộ sản xuất là đơn vị kinh tế, đơn vị sản xuất kinh doanh đông đảo nhất trong nền kinh tế. Việt Nam với xuất phát điểm nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, ... với hơn 70% dân số sống ở nông thôn, hơn 72% lực lượng lao động trong nông nghiệp, do đó cũng ở trong bối cảnh chung nói trên.

Kinh tế hộ sản xuất phát triển đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực ở nông thôn, tạo công ăn việc làm cho các lao động nhàn rỗi, góp phần giải quyết phần nào số lao động đang thất nghiệp.

** Kinh tế hộ sản xuất có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường thúc đẩy sản xuất hàng hoá, thúc đẩy phân công lao động dẫn tới chuyên môn hoá*

Với tinh thần tự chủ, năng động và sáng tạo, kinh tế hộ sản xuất đã sớm thích ứng với những biến đổi thường xuyên của thị trường và ngày càng khẳng định vai trò không thể thiếu được của mình, với quy mô nhỏ, vốn đầu tư ít có thể dễ dàng đi vào sản xuất kinh doanh đã giải quyết công ăn việc làm cho hộ gia đình và một bộ phận không nhỏ lao động ngoài xã hội, tăng thu nhập nuôi sống mọi yêu cầu của hộ. Từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, thành phần kinh tế tập thể thu hẹp, kinh tế tư nhân, cá thể, mở rộng và phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng và cả quy mô đã thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư trong dân cư vào mọi lĩnh vực sản xuất vật chất và dịch vụ. Sự phát triển lớn mạnh cả về qui mô và trình độ của hộ sản xuất có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế, đến tiêu dùng và sức mua, đến phân công lao động xã hội, đến giải quyết các vấn đề xã hội.

** Phát triển kinh tế hộ sản xuất đã góp phần kích thích phát triển toàn diện kinh tế nông nghiệp - nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa*

Hộ sản xuất với số lượng hộ lớn và ngày càng trở nên tự chủ trong quyết định đầu tư, kinh tế hộ sản xuất trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, hộ sản xuất phải đối mặt với cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Xu thế đó đặt ra yêu cầu đối với hộ sản xuất phải đổi mới nhận thức và hành động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển kinh tế hộ sản xuất đã nâng cao năng lực hạch toán kinh doanh của hộ sản xuất trong cơ chế kinh tế thị trường hiện đại và đang có vai trò to lớn trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

** Kinh tế hộ sản xuất đóng góp cho nền kinh tế đất nước một khối lượng lớn hàng hóa dịch vụ phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu*

Kinh tế hộ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh

tế - xã hội. Là động lực khai thác các tiềm năng, tận dụng các nguồn lực vốn, lao động, tài nguyên, đất đai đưa vào sản xuất làm tăng sản phẩm cho xã hội. Là đối tác cạnh tranh của kinh tế quốc doanh trong quá trình cùng vận động và phát triển. Hiệu quả đó gắn liền với sản xuất kinh doanh, tiết kiệm được chi phí, chuyển hướng sản xuất, tạo được quỹ hàng hoá cho tiêu dùng và xuất khẩu, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

1.2.2. Đặc điểm của hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn trong quan hệ với NHTM

Sau những năm đổi mới kinh tế, kinh tế hộ sản xuất đã từng bước khẳng định được vai trò, vị trí của mình. Đến nay, hộ sản xuất đã giữ được vị trí quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Hộ sản xuất đã là một chủ thể đối với các quyết định đầu tư sản xuất, có điều kiện tiếp cận với nền kinh tế thị trường và là lực lượng đông đảo tạo ra phần lớn của cải, hàng hoá cho xã hội. Xét trong mối quan hệ giao dịch với ngân hàng, hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thường có các đặc điểm sau:

** Các quan hệ giao dịch của hộ sản xuất với NHTM không thường xuyên và qui mô không lớn*

Thường là họ không mở tài khoản tại ngân hàng; khi nào có thu nhập, có khoản để dành, tiết kiệm thì đến gửi tiền vào ngân hàng; khi nào có nhu cầu vay vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thậm chí là nhu cầu cho đời sống thì họ đến vay. Nhu cầu thanh toán chuyển tiền cũng vậy, thường là họ thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng nhưng qui mô giao dịch nhỏ và cũng không thường xuyên. Chính vì qui mô nhỏ đó, nên vốn vay thường giải ngân, rút vốn một lần. Trả nợ vốn vay cũng vậy, với món không lớn, thường là họ trả một lần. Do đó, một mặt cho vay an toàn, NHTM phân tán được rủi ro nhưng chi phí nhiều ...

** Vốn vay thường được sử dụng tổng hợp và nguồn trả nợ cũng tổng*

hợp từ nhiều khoản, nhiều nguồn thu nhập khác nhau

Do nhu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong gia đình, họ vay vốn ngân hàng có mục đích cụ thể, nhưng thường là không phải lúc nào cũng sử dụng vốn cho một mục đích, mà có khi sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, nhưng chủ yếu là cho sản xuất, có khi cho mục đích sinh hoạt, tiêu dùng. Nguồn trả nợ cũng vậy, thường là từ nhiều hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, làm dịch vụ khác nhau; từ tiền lương, tiền công, tiền đền bù, tiền trợ cấp, thu nhập khác, ... của nhiều thành viên trong gia đình. Bởi vậy, tính rủi ro trong cho vay vốn tới hộ sản xuất của NHTM thường rất thấp, có tính an toàn cao.

** Hộ sản xuất thường coi trọng chữ tín trong quan hệ với ngân hàng*

Hộ sản xuất sống trong cộng đồng dân cư địa phương, đó là làng, xã, phường, tổ dân phố, ... đồng thời với bản tính truyền thống, họ thường coi trọng chữ tín với ngân hàng, không muốn để nợ quá hạn, phát sinh nợ khó đòi hay phải xiết nợ tài sản. Nếu gặp phải rủi ro bất khả kháng, họ cố gắng vay mượn tiền, tài sản của các thành viên khác trong họ hàng, trong cộng đồng cư trú để trả nợ. Đồng thời do sức ép của dư luận, tiếng tăm trong quan hệ gia đình, hàng xóm nên họ càng cố gắng trả nợ cho ngân hàng. Tất nhiên, cũng có trường hợp mà biện pháp đó đối với họ không thể thực hiện được mới đành chịu, hoặc cá biệt có gia đình rơi vào tình trạng rệu rã, cờ bạc...nhưng đó chỉ là tỷ lệ nhỏ.

** Trình độ sản xuất, trình độ văn hoá và ý thức pháp luật hạn chế*

Phần đông hộ sản xuất có trình độ sản xuất mang tính truyền thống, thủ công, canh tác theo tập quán, có áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhưng mức độ hạn chế so với doanh nghiệp. Tương tự, trình độ văn hoá, nhận thức pháp luật, hiểu biết pháp luật, ... cũng hạn chế. Ở một số vùng xa thành phố, xa đô thị, chủ yếu là đồng bào dân tộc, nhiều chủ gia đình còn không biết chữ.

Do đó, đây cũng là đặc điểm không thuận lợi cho việc tuyên truyền chủ trương, chính sách, qui chế ngân hàng, không thuận lợi trong quan hệ tín dụng của hộ sản xuất đối với NHTM, thường tiềm ẩn rủi ro.

** Tài sản của hộ sản xuất giá trị thấp và khó phát mãi*

Giá trị tài sản của hộ sản xuất ở các thành phố, đô thị thì thường có giá trị khá, phát mãi thuận lợi hơn. Nhưng phần đông các hộ sản xuất ở nông thôn, tài sản của họ là nhà ở, đất ở, đất canh tác, cây trồng, vật nuôi, công cụ sản xuất, phương tiện, ... nhưng nhìn chung là có giá trị không cao và rất khó phát mãi, khó bán trong trường hợp hộ sản xuất không có khả năng trả nợ cho ngân hàng.

1.3. MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN

1.3.1. Nội dung mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Nội dung mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn có thể được diễn đạt khái quát như sau: Mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn là quá trình ngân hàng tăng quy mô cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thông qua tăng trưởng dư nợ cho vay, đổi mới và đa dạng hóa cơ cấu cho vay phù hợp với những đặc điểm của thị trường, hoàn thiện và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ cho vay, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.

Quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn là quá trình mà ngân hàng đặt ra 2 mục tiêu đồng thời là gia tăng quy mô cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn. Việc gia tăng quy mô tất yếu sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát rủi ro cũng như mục tiêu sinh lời. Tuy nhiên, mục tiêu về hạn chế

rủi ro và sinh lời là hai mục tiêu kiểm soát, được xem xét tùy thuộc vào chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục tiêu cuối cùng của tăng quy mô cho vay là tăng dư nợ cho vay bằng các phương thức khác nhau.

Mặt khác, ngân hàng phải tối ưu hóa sự đánh đổi giữa hai mục tiêu: Tăng trưởng dư nợ và kiểm soát rủi ro. Tuy nhiên, mục tiêu kiểm soát rủi ro phải được đặt trong bối cảnh chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tăng quy mô cho vay cũng nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của ngân hàng, qua đó tăng lợi nhuận từ cho vay, tăng tỷ suất sinh lời. Tuy nhiên, trong từng thời kỳ nhất định, ngân hàng vẫn có thể đặt mục tiêu sinh lợi ở thứ tự ưu tiên thấp hơn trong khi tăng trưởng quy mô cho vay nhằm đạt được các mục tiêu về cạnh tranh.

Để gia tăng quy mô cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, ngân hàng có thể thực hiện nhiều phương thức, trong đó, 2 phương thức cơ bản là:

a) Tăng số lượng khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn có quan hệ vay vốn với ngân hàng

Đây là phương thức mở rộng cho vay thông qua gia tăng số lượng khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn vay vốn của ngân hàng. Việc gia tăng số lượng khách hàng có thể thực hiện bằng cách phát triển thị trường mới: phát triển thị trường đến những khu vực địa lý mới, tìm kiếm những phân khúc thị trường mới, ... hoặc gia tăng số lượng khách hàng trên thị trường đang hoạt động.

b) Gia tăng quy mô dư nợ cho vay bình quân của từng khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thông qua các biện pháp khác nhau như: Gia tăng quy mô dư nợ bình quân tức là việc gia tăng quy mô dư nợ với cùng một số lượng khách hàng, hoặc giữ nguyên quy mô dư nợ khi

số lượng khách hàng giảm; hoặc mức tăng quy mô dư nợ nhanh hơn mức tăng số lượng khách hàng.

1.3.2. Tiêu chí đánh giá kết quả mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Căn cứ vào nội dung mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn đã trình bày ở trên, đánh giá quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn có thể sử dụng các tiêu chí sau:

1.3.2.1. Mức tăng trưởng dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn là phản ánh số tiền mà ngân hàng đã cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn nhưng chưa thu lại được, bao gồm:

- Dư nợ thời điểm: Được phản ánh tại từng thời điểm (cuối ngày, cuối tháng, cuối năm, ...).

- Dư nợ bình quân: Phản ánh qui mô trong một thời kỳ (năm).

Mức tăng trưởng dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn được đánh giá qua 2 chỉ tiêu: Mức tăng tuyệt đối và tốc độ tăng hoặc tốc độ phát triển dư nợ.

Mức tăng tuyệt đối được tính bằng hiệu số giữa mức dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn kỳ sau với dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn kỳ trước.

$$\begin{aligned} & \text{Mức tăng dư} \\ & \text{nợ cho vay} \qquad \text{Dư nợ HSX} \qquad \text{Dư nợ HSX} \\ \text{HSX thuộc lĩnh} & = \text{thuộc lĩnh vực} \quad - \quad \text{thuộc lĩnh vực} \\ \text{vực NN-NT} & \text{NN-NT kỳ sau} \qquad \text{NN-NT kỳ trước} \\ & \text{(tuyệt đối)} \end{aligned}$$

Tốc độ tăng được tính bằng thương số giữa mức tăng tuyệt đối dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn với dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn kỳ trước.

$$\begin{array}{l} \text{Tốc độ tăng} \\ \text{dư nợ cho} \\ \text{vay HSX} \\ \text{thuộc lĩnh} \\ \text{vực NN-NT} \end{array} = \frac{\text{Mức tăng dư nợ HSX thuộc lĩnh vực NN-NT}}{\text{Dư nợ HSX thuộc lĩnh vực NN-NT kỳ trước}}$$

Tốc độ phát triển dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Tốc độ phát triển} \\ \text{dư nợ cho vay} \\ \text{HSX thuộc lĩnh} \\ \text{vực NN-NT} \end{array} = \frac{\text{Dư nợ HSX thuộc lĩnh vực NN-NT kỳ sau}}{\text{Dư nợ HSX thuộc lĩnh vực NN-NT kỳ trước}}$$

Tốc độ tăng trưởng tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn là chỉ tiêu chủ yếu phản ánh kết quả cuối cùng của quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng.

Trong hai chỉ tiêu tốc độ tăng và tốc độ phát triển thông thường chỉ tiêu tốc độ tăng được sử dụng phổ biến hơn

1.3.2.2. Mức tăng trưởng số lượng khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng

Chỉ tiêu này đánh giá sự mở rộng số lượng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn có quan hệ vay vốn với ngân hàng qua các thời kỳ. Tăng trưởng số lượng khách hàng về thực chất là phương tiện, phương thức

để đạt đến mục tiêu tăng trưởng dư nợ cho vay nhưng cũng là tiêu chí để đánh giá quá trình mở rộng cho vay.

Chỉ tiêu này cũng được thể hiện qua 2 chỉ tiêu: Tốc độ tăng và tốc độ phát triển theo cách tính tương tự chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ.

1.3.2.3. Mức tăng dư nợ bình quân trên một khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng

Dư nợ bình quân trên một khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn được tính bằng thương số giữa tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn cho số khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tương ứng.

Mức tăng dư nợ bình quân đánh giá việc mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng bằng phương thức mở rộng theo chiều sâu. Chỉ tiêu này được đánh giá qua tốc độ tăng và tốc độ phát triển dư nợ bình quân trên một khách hàng. Nó phản ánh khả năng của ngân hàng trong việc phát triển các quan hệ với khách hàng, định hướng cơ cấu khách hàng hợp lý, hoàn thiện các chính sách và cơ chế nhằm tối đa hóa quy mô cấp tín dụng với một lượng khách hàng xác định.

1.3.2.4. Mức độ đa dạng hóa trong cơ cấu cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của ngân hàng

Tiêu chí này đánh giá sự phù hợp của cơ cấu cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo các tiêu thức khác nhau (cơ cấu ngành kinh tế; cơ cấu kỳ hạn; ...) với nhu cầu vay vốn của các hộ sản xuất trên thị trường mục tiêu và năng lực đáp ứng của ngân hàng.

1.3.2.5. Mức độ hoàn thiện trong chất lượng cung ứng dịch vụ

Đây là tiêu chí đánh giá về mặt chất lượng của quá trình phát triển cho vay.

1.3.2.6. Mức độ kiểm soát rủi ro cho vay

Quá trình mở rộng cho vay luôn phải được đặt trong tương quan đánh

đổi giữa rủi ro và sinh lời. Trong quá trình đó, mục tiêu tăng trưởng quy mô cho vay là mục tiêu ưu tiên, mục tiêu kiểm soát rủi ro và hiệu quả kinh doanh là 2 mục tiêu kiểm soát. Do đó, khi đánh giá việc mở rộng cho vay phải xem xét các chỉ tiêu đánh giá hai mục tiêu này như là hai mục tiêu kiểm soát.

Để đánh giá rủi ro cho vay, sử dụng các chỉ tiêu đánh giá rủi ro cho vay, trong đó chủ yếu là chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ, tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro.

1.3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Hoạt động cho vay tuy là một hoạt động của riêng ngành ngân hàng, nhưng lại ảnh hưởng đến rất nhiều ngành nghề và lĩnh vực khác. Cũng như vậy, có rất nhiều yếu tố về kinh tế xã hội và nhân văn tác động đến hoạt động cho vay của ngân hàng.

1.3.3.1. Các nhân tố bên ngoài

Mỗi chủ thể hay một hoạt động muốn tồn tại và phát triển phải đặt trong một môi trường nhất định. Hoạt động cho vay thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn chịu sự tác động của các nhân tố sau:

- *Thứ nhất*, là các yếu tố thuộc về môi trường pháp lý. Đây là nền tảng và khuôn khổ để ngân hàng có thể triển khai hoạt động cho vay. Nếu hệ thống pháp lý đầy đủ và đồng bộ, ngân hàng sẽ dễ dàng triển khai và phát triển các hoạt động. Ngược lại, với một hệ thống các văn bản pháp quy rườm rà, không sát với thực tế và thiếu đồng bộ sẽ khó cho người đi vay lẫn người cho vay. Hệ thống pháp lý liên quan đến hoạt động cho vay thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn rất đa dạng và do nhiều chủ thể ban hành và điều chỉnh. Từ luật hoạt động tín dụng đến các qui định về năng lực hành vi của luật dân sự, từ các qui định về cây con, lĩnh vực dịch vụ được nuôi trồng, sản xuất đến định hướng ngành nghề, quy hoạch phát triển của khu vực nông nghiệp, nông thôn. Các quy định này nếu không có sự nhất quán và đồng bộ thì sẽ rất khó

cho ngân hàng khi muốn triển khai hoạt động cho vay.

- *Thứ hai*, chủ trương chính sách của Nhà nước liên quan đến khu vực nông nghiệp, nông thôn. Nếu các cơ quan công quyền có chủ trương đẩy mạnh sự phát triển của khu vực này, ngân hàng sẽ có cơ sở để mở rộng hoạt động của mình. Ngược lại, chính sách hạn chế hoặc không ủng hộ sẽ kéo theo sự chững lại của hoạt động cho vay của ngân hàng.

- *Thứ ba*, mức độ ổn định về kinh tế vĩ mô thông qua hành vi của các chủ thể ảnh hưởng đến hoạt động TDNH nói chung và hoạt động cho vay thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn nói riêng. Kinh tế vĩ mô ổn định với các biến số giá cả, lãi suất, lạm phát ổn định sẽ làm cho khách hàng của hoạt động cho vay thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn có nhiều cơ hội phát triển sản xuất và như thế sẽ tăng thêm nhu cầu về vay vốn. Sự ổn định về lạm phát và lãi suất tạo tâm lý yên tâm cho người gửi tiền, từ đó tạo nguồn vốn lớn và ổn định cho hệ thống ngân hàng. Kinh tế vĩ mô ổn định cũng sẽ góp phần tạo điều kiện cho người vay có điều kiện ổn định sản xuất, tạo nguồn thu để trả nợ ngân hàng. Ngược lại sự bất lợi về kinh tế vĩ mô sẽ kéo theo sự trì trệ và có thể dẫn đến sự đổ vỡ của hệ thống tín dụng.

- *Thứ tư* là các nhân tố xã hội. Quan hệ và hoạt động kinh doanh ngân hàng là sự kết hợp giữa 3 nhân tố: khách hàng, ngân hàng và sự tín nhiệm, trong đó, sự tín nhiệm là cầu nối mối quan hệ giữa khách hàng và ngân hàng. Ngân hàng có tín nhiệm càng cao thì thu hút được khách hàng càng nhiều. Khách hàng có tín nhiệm đối với ngân hàng thường được vay vốn dễ dàng và có thể được vay với lãi suất thấp hơn so với các đối tượng khác. Tín nhiệm là tiền đề, điều kiện để không ngừng cải tiến chất lượng hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Ngoài những yếu tố nêu trên, còn có những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng như: đạo đức xã hội có liên quan đến rủi ro

trong cho vay, trong trường hợp lợi dụng lòng tin để lừa đảo, hoặc do trình độ dân trí không cao, kém hiểu biết dẫn đến hiểu chưa đúng bản chất hoạt động ngân hàng nói chung cũng như hoạt động cho vay nói riêng, làm ăn kém hiệu quả, không phát huy tốt các chức năng, các phương tiện tín dụng, ... Bên cạnh đó, sự biến động tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở nước ngoài cũng có ảnh hưởng tới mở rộng hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

- *Thứ năm*, nhân tố môi trường tự nhiên. Đây là nhân tố gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động cho vay ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Việt Nam là nước có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra. Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng rất lớn đến một số ngành, đặc biệt là những ngành có liên quan đến nông nghiệp, thủy sản, hàng hải. Vì thế, việc đầu tư của NHNo&PTNT vào những ngành này có thể dẫn đến những rủi ro do môi trường tự nhiên gây ra, làm ảnh xấu đến kết quả hoạt động kinh doanh ngân hàng.

1.3.3.2. Các nhân tố bên trong

- *Thứ nhất*, cơ chế tín dụng. Hoạt động của ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng luôn phải chấp hành theo một hệ thống các văn bản có tính bắt buộc nhằm đảm bảo hoạt động tín dụng ngân hàng luôn ở trong những khuôn khổ nhất định. Bao gồm: cơ chế cho vay, cơ chế bảo đảm tiền vay, cơ chế phân loại tài sản bảo lãnh, thế chấp và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng, cơ chế điều hành lãi suất theo tín hiệu thị trường, tách hoạt động cho vay chính sách ra khỏi hoạt động kinh doanh của NHTM Nhà nước.

Để mở rộng cho vay một cách có hiệu quả, đòi hỏi phải có cơ chế chính sách cho vay phù hợp với từng địa bàn, từng thời kỳ cụ thể, tạo điều kiện cho các ngân hàng tăng thêm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và chủ động hơn trong các quyết định mở rộng cho vay theo nguyên tắc thương mại. Thông

qua cơ chế tín dụng hợp lý cũng tạo cơ hội bình đẳng cho dân cư và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong quá trình vay vốn. Cơ chế lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động cho vay của ngân hàng nói riêng và của nền kinh tế - xã hội nói chung. Việc duy trì và sử dụng chính sách lãi suất trong nền kinh tế hàng hóa là một tất yếu khách quan, song tác dụng của lãi suất đến mức nào lại là do sự vận dụng chính sách lãi suất. Mức lãi suất sao cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy luật vận động khách quan của tín dụng trong nền kinh tế hàng hóa là vấn đề rất quan trọng.

- *Thứ hai*, năng lực điều hành của lãnh đạo ngân hàng và trình độ, phẩm chất của đội ngũ cán bộ tín dụng. Năng lực điều hành của lãnh đạo ngân hàng thể hiện trình độ, khả năng và đạo đức của chính họ. Lãnh đạo ngân hàng là người quyết định và điều hành mở rộng cho vay của ngân hàng, và hiệu quả kinh doanh của ngân hàng phụ thuộc vào các quyết định đó. Nếu lãnh đạo ngân hàng có năng lực, hiểu biết sâu rộng về tình hình kinh tế - xã hội nước ta nói chung, thì quyết định mở rộng cho vay phù hợp với tình hình thực tế, mang lại hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, quá trình thực hiện mở rộng cho vay của ngân hàng luôn diễn ra phức tạp, khó khăn. Do đó, đòi hỏi đội ngũ cán bộ ngân hàng phải có trình độ năng lực thật sự, phải thuần thục về nghiệp vụ tín dụng, không ngừng nâng cao nghệ thuật tiếp xúc, ứng xử với khách hàng vay vốn. Bên cạnh những kiến thức chuyên ngành, còn phải có kiến thức liên ngành, kiến thức về kinh tế, kế toán, tài chính và pháp luật. Mặt khác, phải biết phân tích quá trình mở rộng cho vay trên thị trường và có những phán đoán, dự báo để làm tham mưu cho lãnh đạo ngân hàng và tư vấn đối tượng vay vốn.

- *Thứ ba*, nhân tố công nghệ ngân hàng. Mặc dù là ngân hàng phục vụ khu vực nông nghiệp, nông thôn nhưng không thể phủ nhận vai trò của công nghệ ngân hàng đối với triển vọng mở rộng cho vay. Với hệ thống các thiết bị

và công nghệ hiện đại, các thao tác và qui trình sẽ được rút ngắn tạo điều kiện thoả mãn cho khách hàng, từ đó giảm thiểu chi phí hoạt động ngân hàng. Công nghệ còn giúp cho việc báo cáo tình hình, điều chuyển vốn dư thừa hoặc thiếu giữa các chi nhánh trong hệ thống trở nên thuận lợi hơn, góp phần vào mở rộng hoạt động cho vay.

Công nghệ ngân hàng càng được hiểu rộng hơn ở khía cạnh sự linh hoạt và đa dạng của các sản phẩm tín dụng. Các thông số của sản phẩm về kỳ hạn, phương thức nhận gửi, thanh toán, ... nếu được thiết kế phù hợp với nhu cầu của khách hàng sẽ góp phần quyết định tác động đến nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng, từ đó tạo điều kiện để mở rộng hoạt động cho vay của ngân hàng. Ngược lại, nếu chủ quan áp đặt những sản phẩm, ngân hàng có nguy cơ đánh mất khách hàng thậm chí dẫn đến rủi ro tín dụng.

- *Thứ tư*, xây dựng các mối quan hệ với tổ chức chính quyền, xã hội ở địa phương có ý nghĩa hết sức quan trọng. Các tổ chức này là đối tác, là một kênh để ngân hàng triển khai các sản phẩm của mình và tiếp cận với người dân. Nếu xây dựng được mối quan hệ hiệu quả, ngân hàng sẽ có cơ hội giảm thiểu chi phí hoạt động và tiếp cận đầy đủ các đối tượng khách hàng trong phạm vi lãnh thổ ngân hàng hoạt động.

1.3.3.3. Sự cần thiết phải mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Ngày nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thế giới đã, đang và sẽ tiếp tục phát huy nguồn nội lực cũng như đẩy mạnh, hội nhập, không ngừng phấn đấu đưa đất nước mình ngày một phát triển. Tuy nhiên, mỗi quốc gia có điểm xuất phát không giống nhau. Việt Nam là một nước nông nghiệp, có vị trí địa lý, có điều kiện về thời tiết khí hậu, điều kiện tự nhiên như: đất đai màu mỡ do hàng năm phù sa bồi đắp, nguồn nước dồi dào, phong phú thích hợp có thể phát triển một nền nông nghiệp toàn diện. Vì vậy, trong những năm gần

đây nền nông nghiệp nước ta đã có những tiến triển vượt bậc, từ chỗ sản xuất không đủ ăn đến chỗ có thể đáp ứng nhu cầu trong nước và vươn lên thành một quốc gia xuất khẩu gạo trên thế giới. Tuy nhiên, đời sống người dân vẫn còn nhiều khó khăn, việc phát triển nông nghiệp không cao lắm, thêm vào đó là tác động của các yếu tố khách quan như bão, lũ lụt, sâu hại, dịch bệnh gây khó khăn, thất bát trong mùa màng của người dân. Do đó, cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn là vấn đề quan trọng và cần thiết giúp cho người dân có hướng giải quyết kịp thời, là chỗ dựa khi người dân khó khăn về vốn.

Lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn cần sự đầu tư rất lớn, lâu dài và từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó nguồn vốn là quan trọng. Vì đây là kênh huy động vốn mà người dân dễ tiếp cận nhất và chi phí thấp nhất. Để phát triển nông nghiệp - nông thôn, cần chú trọng cải tiến sản xuất về chiều sâu, phát triển chiều rộng của các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ. Đồng thời, chú trọng khắc phục và phát triển toàn diện nông thôn. Do đó, sự cần thiết phải có sự hỗ trợ về vốn của các ngân hàng là điều tất yếu có thể khai thác các tiềm năng kinh tế, thúc đẩy sản xuất hàng hóa nông thôn.

Thông qua mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, Nhà nước có thể can thiệp vào thúc đẩy hộ sản xuất thuộc lĩnh vực này phát triển bằng các chính sách như cho vay hỗ trợ lãi suất, ưu tiên vốn cho nông nghiệp - nông thôn; đảm bảo cung vốn tín dụng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, thực hiện điều tiết vĩ mô theo hướng vừa kích thích tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh tiền tệ của ngân hàng, vừa nâng đỡ, hỗ trợ hộ sản xuất có dự án sản xuất, kinh doanh hiệu quả, vay vốn tín dụng, đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh.

Đa số hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn đều có trình độ nhận thức kinh tế thị trường còn hạn chế, sức ỳ trong hoạt động kinh doanh còn khá lớn. Trong khi Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO từ ngày

7/11/2006. Điều đó có nghĩa, hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn cũng tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Việc mở rộng cho vay hộ sản xuất, với phương thức có vay - có trả (cả gốc và lãi) đã tác động trực tiếp đến cách thức sản xuất, kinh doanh; có ảnh hưởng nhiều mặt đến mục tiêu phát triển kinh tế thị trường của hộ sản xuất. Vì vậy, hộ sản xuất buộc phải suy nghĩ Sản xuất, kinh doanh cái gì? Sản xuất, kinh doanh cho ai? Sản xuất, kinh doanh như thế nào? Tiêu thụ ở đâu? ... Đó chính là tư duy kinh tế mới, kinh tế thị trường hiện đại. Thông qua mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn đã gián tiếp nâng cao nhận thức về kinh tế thị trường, nâng cao khả năng sử dụng vốn tín dụng của hộ sản xuất ở nông thôn.[11]

Ngoài ra, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường thì mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn cũng là cơ sở để phát triển các dịch vụ liên quan khi hộ sản xuất có quan hệ vay vốn, ngân hàng sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng các sản phẩm dịch vụ như mở tài khoản tiền gửi, dịch vụ thanh toán, bảo lãnh, bảo hiểm, ... Như vậy, sẽ tạo thành quy trình khép kín trong quan hệ với hộ sản xuất. Từ đó, sẽ tăng khả năng sinh lời cũng như vị thế của ngân hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1, nội dung chủ yếu tập trung trình bày 2 vấn đề lớn:

- Luận giải các vấn đề liên quan đến hoạt động cho vay của NHTM.
- Luận giải các vấn đề liên quan đến hoạt động cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của NHTM.

Những nội dung trình bày trong chương 1 là cơ sở để triển khai các nội dung phân tích và đánh giá thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang trong chương 2 và đề xuất các giải pháp trong chương 3.

Chương 2

THỰC TRẠNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HUYỆN HÒA VANG

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Hòa Vang là huyện ngoại thành duy nhất của thành phố Đà Nẵng, là huyện có vị trí hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của thành phố, là địa bàn để thành phố giao lưu, hợp tác giao thương, trao đổi hàng hóa với các tỉnh trong khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và nhất là các địa phương trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây. Các tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quốc lộ 14B đều chạy qua địa bàn huyện, tạo điều kiện rất tốt để cho huyện phát triển.[10]

Huyện Hòa Vang nằm về phía Tây của thành phố Đà Nẵng; phía Đông giáp với 2 quận Liên Chiểu, Cẩm Lệ; phía Tây giáp với huyện Đông Giang, phía Nam giáp với 2 huyện Điện Bàn và Đại Lộc tỉnh Quảng Nam; phía Bắc giáp với 2 huyện Nam Đông và Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên Huế; với diện tích tự nhiên 73.691 ha, gồm : đất nông nghiệp 6.527,31 ha (*đất lúa 3230,8 ha; đất nuôi trồng thủy sản 480 ha; đất trồng cây hằng năm 1556,95 ha; đất trồng cây lâu năm 1.259,67 ha*), đất lâm nghiệp 55.438ha, còn lại là đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Huyện Hòa Vang là huyện có địa hình trải rộng trên cả ba vùng: Miền núi, trung du và đồng bằng.[9]

- Vùng núi và núi cao phân bố hầu hết ở các xã phía tây, trong đó có 4 xã miền núi là Hòa Bắc, Hòa Ninh, Hòa Phú và Hòa Liên, với diện tích 56.476,7 ha, chiếm 19,84% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, đa số đồi núi có độ cao 400 – 500 m, cao nhất là đỉnh núi Bà Nà (1.487 m), có nhiều rừng đầu nguồn, rất có ý nghĩa trong việc bảo vệ môi trường sinh thái của huyện và

thành phố.

- Vùng trung du được phân bố tiếp giáp vùng núi và đồng bằng, với diện tích 11.170 ha, chiếm 15,74% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, hầu hết là đồi núi thấp, xen kẽ những cánh đồng hẹp, có độ cao từ 50 – 100 m, bao gồm các xã Hòa Phong, Hòa Khương, Hòa Sơn và Hòa Nhơn.

- Vùng đồng bằng hẹp, tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ 2 – 10 m, đất đai chủ yếu là đất phù sa ven sông, đất cát, thường bị ngập lụt vào những ngày lũ lớn, tập trung ở các xã Hòa Tiến, Hòa Phước, Hòa Châu, với diện tích 3.087,13 ha, bằng 4,37% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

2.1.2. Kinh tế - Xã hội

Có vị trí địa lý chiến lược, nằm bao bọc phía tây khu vực nội thành thành phố Đà Nẵng, có hệ thống đường giao thông thuận lợi, trong đó có đường quốc lộ 1A, 14B chạy qua, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển kinh tế - xã hội, vận chuyển giao thương hàng hóa của huyện, trong đó có hàng nông sản.

Là huyện ngoại thành với điều kiện đất đai, khí hậu, nguồn nước thuận lợi cho các loại cây trồng, vật nuôi sinh trưởng và phát triển, góp phần phát triển nền nông nghiệp đa dạng, bao gồm cả nông, lâm, thủy sản; sản phẩm làm ra phong phú, không những cung cấp lương thực, thực phẩm cho người dân trên địa bàn huyện, mà còn phục vụ cho nhu cầu người dân nội thành.

Với nguồn tài nguyên rừng phong phú cộng với danh lam thắng cảnh tự nhiên tạo điều kiện thuận lợi cho huyện phát triển các dịch vụ du lịch sinh thái, vui chơi, nghỉ dưỡng.

Nguồn lao động dồi dào, cơ sở hạ tầng như đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, ... đang được xây dựng và ngày càng hoàn thiện.

Trong những năm vừa qua, giai đoạn 2007 – 2010, mặc dù gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng của thời tiết khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, bão lũ diễn ra thường xuyên làm ảnh hưởng rất lớn đến

phát triển kinh tế của huyện; nhưng nhìn chung kinh tế huyện Hòa Vang vẫn tăng trưởng khá.

Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư xây dựng, quá trình đô thị hóa diễn ra trên địa bàn nhanh hơn, bộ mặt nông thôn không ngừng được đổi mới.

Mặc dù kinh tế đạt mức khá nhưng thiếu vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của địa phương.

Sản xuất nông nghiệp thiếu quy hoạch, năng suất cây trồng, con vật nuôi chưa cao, khả năng chống chịu sâu bệnh và chất lượng sản phẩm thấp, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa sâu rộng.

Công nghiệp, dịch vụ quy mô còn nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, một số dự án triển khai đang còn chậm, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân.

Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang thấy được vai trò của mình trong sự phát triển kinh tế khu vực. Là một Ngân hàng hoạt động lâu năm trên địa bàn, nắm vai trò chủ đạo trong việc huy động vốn và cấp tín dụng cho các thành phần kinh tế. Trong những năm qua, nhu cầu phát triển nông thôn ngày càng trở nên cấp bách, vì vậy Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hoà Vang đã mở rộng cho vay đến hộ sản xuất, cũng từ đó tình hình kinh tế - xã hội của huyện đã có những chuyển biến tích cực; sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phát triển cả về diện tích, năng suất và chất lượng sản phẩm. Đồng thời, ngân hàng bước đầu cũng thực hiện cho vay dự án nông trang trại nhỏ như dự án nuôi tôm, cá, lợn, bò, dê, ... phát triển các cây công nghiệp dài hạn như tiêu, keo lá tràm, ... Hơn nữa, sự phát triển kinh tế hộ cũng tạo ra cơ hội việc làm cho một số ngành kinh tế có liên quan. Vì thế, bộ mặt nông thôn ngày càng thay đổi, kinh tế huyện đã có bước phát triển vượt bậc, thu nhập của người dân ngày càng được nâng cao, đời sống ngày càng được cải thiện. Chi nhánh

NHNo&PTNT huyện Hoà Vang trở thành một bộ phận không thể thiếu đối với sự tồn tại bền vững và phát triển của huyện.

2.2. TỔNG QUAN VỀ CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG

2.2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hoà Vang

Năm 2005, thành phố Đà Nẵng thực hiện việc chia tách huyện Hoà Vang thành hai đơn vị hành chính là quận Cẩm Lệ và huyện Hoà Vang. Trên cơ sở đó, ngày 04/1/2006 Chủ tịch Hội đồng Quản trị NHNo&PTNT Việt Nam ký quyết định số 13/QĐ/HĐQT-TCCB thành lập Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hoà Vang và có trụ sở chính tại Phú Hòa, Hòa Nhơn, Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng. Đến tháng 11 năm 2011, trụ sở chính được di dời về Trung tâm Hành chính huyện Hoà Vang, có địa chỉ tại Dương Lâm 1, Hòa Phong, Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng.

Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hoà Vang là đơn vị trực thuộc Chi nhánh NHNo&PTNT thành phố Đà Nẵng, là ngân hàng quốc doanh chủ lực trên địa bàn; khẳng định và phát huy vai trò, vị thế, trách nhiệm, nghĩa vụ của một NHTM trên thị trường tiền tệ, tín dụng ở huyện Hoà Vang. Trong quá trình hình thành và phát triển, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hoà Vang đã góp phần nhất định vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hoà Vang

2.2.2.1. Chức năng

Trực tiếp kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận theo phân cấp của Chi nhánh NHNo&PTNT thành phố Đà Nẵng.

2.2.2.2. Nhiệm vụ

Hướng dẫn thực hiện các chế độ, thể lệ thuộc phạm vi của NHNo &PTNT Việt Nam.

Huy động vốn từ dân cư, các tổ chức kinh tế và từ các nguồn khác.

Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

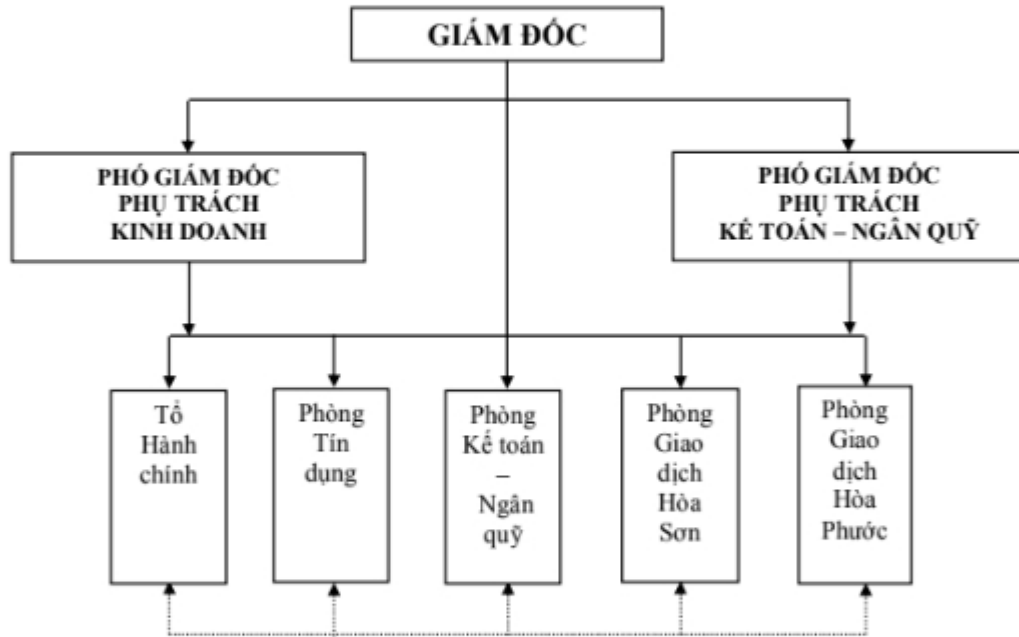
Cung ứng các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.

Các nghiệp vụ bảo lãnh.

Các nghiệp vụ khác...

2.2.3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

Cơ cấu tổ chức của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang hiện nay như sau:



Sơ đồ 2.1. Tổ chức quản lý của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

Chú thích:

Quan hệ trực tuyến: —————>

Quan hệ chức năng:>

Cơ cấu tổ chức quản lý thực hiện các nghiệp vụ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kinh doanh của ngân

hàng. Nhiệm vụ cụ thể được phân công như sau:

Giám đốc: Là người đứng đầu, điều hành mọi hoạt động của Chi nhánh, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Chi nhánh NHNo&PTNT thành phố Đà Nẵng, Tổng giám đốc NHNo&PTNT Việt Nam và pháp luật về các hoạt động của Chi nhánh.

Phó giám đốc phụ trách kinh doanh: Là người được giám đốc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn nhất định về công tác kế hoạch, tín dụng.

Phó giám đốc phụ trách Kế toán - Ngân quỹ: Là người được giám đốc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn nhất định về công tác kế toán, ngân quỹ.

Phòng Tín dụng: Cho vay các thành phần kinh tế, thẩm định và đề xuất cho vay các dự án tín dụng theo phân cấp ủy quyền; thẩm định các dự án, hoàn thiện hồ sơ trình ngân hàng cấp trên theo phân cấp ủy quyền. Xây dựng kế hoạch kinh doanh theo định hướng kinh doanh của NHNo&PTNT Việt Nam, thực hiện các báo cáo thống kê về nghiệp vụ tín dụng.

Phòng Kế toán - Ngân quỹ: Thực hiện hạch toán kế toán, hạch toán thống kê các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh, lưu trữ chứng từ, thực hiện các báo cáo thống kê liên quan đến công tác kế toán, tài chính, ...

Tổ Hành chính: Sắp xếp hội nghị, tiếp khách, văn thư và báo chí; thực hiện công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa tài sản cố định, mua sắm công cụ lao động.

Các Phòng giao dịch: Thực hiện các nghiệp vụ tín dụng, kế toán tại địa bàn khu vực của Phòng giao dịch.

2.2.4. Các nghiệp vụ kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

Là đơn vị hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, Chi nhánh

NHNo&PTNT huyện Hòa Vang thực hiện các nghiệp vụ sau:

** Huy động vốn:*

Chi nhánh thực hiện nghiệp vụ huy động vốn dưới nhiều hình thức:

- Khai thác và nhận tiền gửi của các tổ chức cá nhân và các tổ chức tín dụng dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

- Huy động tiền gửi tiết kiệm.

- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, kỳ phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của NHNo&PTNT Việt Nam.

- Các hình thức huy động khác theo quy định của ngành.

** Cho vay:*

Chi nhánh sử dụng nguồn vốn huy động được để cho vay dưới các hình thức:

- Cho vay ngắn hạn: nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống cho các cá nhân, tổ chức và hộ gia đình thuộc mọi thành phần kinh tế theo phân cấp ủy quyền.

- Cho vay trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đời sống cho các tổ chức cá nhân và hộ gia đình thuộc mọi thành phần kinh tế theo phân cấp ủy quyền.

** Cung ứng các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:*

- Cung ứng các phương tiện thanh toán.

- Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.

- Thực hiện các dịch vụ thu hộ và chi hộ.

- Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.

- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN và NHNo&PTNT Việt Nam.

** Kinh doanh các dịch vụ ngân hàng khác:*

Kinh doanh các dịch vụ ngân hàng khác theo luật các TCTD bao gồm: thu phát tiền mặt; máy rút tiền tự động thẻ; két sắt, nhận bảo quản, cất giữ, chiết khấu thương phiếu và các loại giấy tờ có giá khác, thẻ thanh toán; nhận uỷ thác cho vay của các tổ chức tài chính, tín dụng, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; cho thuê tài chính và các dịch vụ ngân hàng khác được Nhà nước, NHNo&PTNT Việt Nam cho phép.

Với đặc điểm là ngân hàng hoạt động kinh doanh trên địa bàn nông thôn nên các nghiệp vụ kinh doanh mà chi nhánh hoạt động mạnh nhất là huy động vốn, cho vay bằng Việt Nam đồng, các dịch vụ thanh toán trong nước.

2.2.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

2.2.5.1. Thuận lợi

Cùng với những dấu hiệu tích cực của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã và đang từng bước vượt qua thời kỳ khó khăn. Huyện Hòa Vang có điều kiện thuận lợi khi kết quả tình hình kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tiếp tục phục hồi và chuyển biến tích cực, thị trường hàng hóa ổn định, sức mua thị trường tăng khá, an sinh xã hội và quốc phòng - an ninh được đảm bảo.

Nhiều tiện ích ngân hàng điện tử được NHNo&PTNT Việt Nam cung cấp, tạo tiền đề cho Chi nhánh phát triển các dịch vụ bán lẻ, thu hút thêm khách hàng mới.

Gói kích cầu của Chính phủ thông qua chương trình hỗ trợ lãi suất cho mọi thành phần kinh tế đã bắt đầu phát huy tác dụng; hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ sản xuất từng bước được hồi phục và phát triển, tạo điều kiện cho ngân hàng trong công tác đầu tư tín dụng.

Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư

hướng dẫn của NHNN ‘Về chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn’ tạo điều kiện mở rộng cho vay tới hộ sản xuất thông thoáng hơn, linh hoạt hơn nhưng cũng đảm bảo an toàn.

Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang luôn khẳng định nông nghiệp - nông thôn là địa bàn chủ đạo, là thị trường chủ yếu cần phải được chiếm lĩnh. Hộ sản xuất là khách hàng truyền thống, cơ bản và lâu dài. Vì vậy, Chi nhánh vẫn giữ được uy tín là một đơn vị ngân hàng quốc doanh mạnh trên địa bàn, được khách hàng tín nhiệm.

2.2.5.2. Khó khăn

Năm 2010, mặc dù kinh tế trong nước vừa thoát khỏi ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng nền kinh tế trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn như sự giảm giá của đồng dolar, sự biến động tăng của giá vàng, giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới tăng mạnh, tạo áp lực lên giá cả hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm trong nước, nhất là dịp tết nguyên đán gây khó khăn cho việc kiểm soát lạm phát, làm cho chỉ số giá cả năm 2010 tăng khá cao ảnh hưởng đến việc huy động nguồn vốn của các tổ chức tín dụng nói chung, làm hạn chế khả năng cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các chủ thể kinh tế.

Tiến độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn triển khai chậm, ruộng đất phân tán, manh mún, cơ sở hạ tầng nông thôn còn nghèo, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hàng hóa lớn. Nhiều chính sách ra đời từ những năm đầu đổi mới, đến nay không còn phù hợp cũng là những rào cản đối với sản xuất. Đó là nguyên nhân chủ yếu tác động đến hoạt động tín dụng nói chung, hộ sản xuất nói riêng.

Việc thành lập thêm nhiều ngân hàng cổ phần trong những năm qua và sự cạnh tranh quyết liệt về thị phần, thị trường thông qua cơ chế lãi suất, cơ chế bảo đảm tiền vay của ngân hàng cổ phần, ngân hàng chính sách xã hội, ...

cũng là một trong các nguyên nhân làm cho thị phần và kết quả đầu tư vốn của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang bị thu hẹp.

Thành phố Đà Nẵng nói chung, huyện Hòa Vang nói riêng phải thường xuyên chịu sự tác động đa dạng và phức tạp của thời tiết khí hậu, dịch bệnh như bão lụt, dịch cúm gia cầm, dịch bệnh ở đàn gia súc, ... Do đó, rủi ro bởi thiên tai, dịch bệnh đối với sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện là rất lớn, làm ảnh hưởng đến kết quả đầu tư vốn của Chi nhánh.

2.2.5.3 Kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang qua các năm như sau:

Bảng 2.1 Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Thực hiện	Thực hiện	(+),(-) (%)	Thực hiện	(+),(-) (%)	Thực hiện	(+),(-) (%)
1. Tổng thu nhập	19.875	25.879	+30,21	33.828	+30,72	43.829	+29,56
2. Tổng chi phí	19.548	21.529	+10,13	22.364	+3,88	34.774	+55,49
3. Chênh lệch thu - chi	327	4.350	+1.230,28	11.464	+163,54	9.055	-21,01

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang năm 2007, 2008, 2009 và 2010)

Kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang qua các năm 2007-2009 đều tăng, tổng thu nhập và chênh lệch thu - chi qua các năm đều tăng. Năm 2010, chênh lệch thu - chi đạt 9.055 triệu đồng, giảm 21,01% so với chênh lệch thu - chi năm 2009, tổng thu nhập đạt 43.829 triệu đồng, tổng chi phí là 34.774 triệu đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 giảm so với năm 2009 là do thị trường tài chính thế giới biến

động không thuận lợi, ảnh hưởng đến kinh tế, tài chính nước nhà. Thị trường giá cả không ổn định, thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân. Từ đó, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Đạt được kết quả khả quan nêu trên, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang không thể không nói đến sự nỗ lực của CBCNV chi nhánh. Hoạt động kinh doanh của chi nhánh luôn gắn liền với kế hoạch của ngân hàng cấp trên và đem lại những kết quả nhất định trong việc thực hiện kế hoạch giao.

2.3. THỰC TRẠNG MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TẠI CHI NHÁNH NHNo &PTNT HUYỆN HÒA VANG

2.3.1. Những biện pháp ngân hàng đã thực hiện để mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thời gian qua

2.3.1.1. Tình hình phát triển kinh tế hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn huyện Hòa Vang

Thời gian qua, mặc dù sản xuất nông nghiệp cả nước nói chung, của huyện Hòa Vang nói riêng chịu nhiều khó khăn, bất lợi do thời tiết, dịch bệnh, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, giá cả hàng nông sản bấp bênh trong khi giá vật tư đầu vào không ổn định và có xu hướng tăng cao. Tuy nhiên, thông qua việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, tập trung vào việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Chính vì vậy, lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của huyện có bước tăng trưởng nhanh, vững chắc và đã đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể là như sau:

Bảng 2.2 Một số chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ số đánh giá	Năm			
	2007	2008	2009	2010
Tổng GTSX chung của toàn huyện Hòa Vang (Triệu đồng)	672.400	742.800	830.400	929.800
I. GTSX chung ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (Triệu đồng)	267.000	280.800	295.300	312.500
1. GTSX ngành sản xuất nông nghiệp	222.950	233.300	241.500	252.700
- GTSX ngành trồng trọt	138.200	143.800	145.900	151.700
- GTSX ngành chăn nuôi	84.750	89.500	95.600	101.000
2. GTSX ngành lâm nghiệp	25.150	27.700	31.300	35.200
3. GTSX ngành thủy sản	18.900	19.800	22.500	24.600
II. Tỷ trọng GTSX chung ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản/Tổng GTSX chung của toàn huyện Hòa Vang (%)	39,71	37,80	35,56	33,61
1. Tỷ trọng GTSX ngành sản xuất nông nghiệp/GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	83,50	83,08	81,78	80,86
- Tỷ trọng GTSX ngành trồng trọt/ GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	51,76	51,21	49,41	48,54
- Tỷ trọng GTSX ngành chăn nuôi/ GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	31,74	31,87	31,37	32,32
2. Tỷ trọng GTSX lâm nghiệp/GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	9,42	9,87	10,60	11,26
3. Tỷ trọng GTSX ngành thủy sản/GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	7,08	7,05	7,62	7,87
III. GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản/Lao động nông nghiệp (Triệu đồng/lao động)	20,82	23,42	26,79	30,79

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2010 và Dự thảo quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hòa Vang đến năm 2020)

GTSX ngành sản xuất nông nghiệp tăng từ 222.950 triệu đồng năm 2007 lên 252.700 triệu đồng năm 2010, bình quân giai đoạn năm 2007-2010 tăng 4,27%.

GTSX ngành lâm nghiệp tăng từ 25.150 triệu đồng năm 2007 lên 35.200 triệu đồng năm 2010, bình quân giai đoạn năm 2007-2010 tăng 11,87%.

GTSX ngành thủy sản bình quân giai đoạn năm 2007-2010 tăng 9,24%, tăng từ 18.900 triệu đồng năm 2007 lên 26.400 triệu đồng năm 2010.

Xét về cơ cấu kinh tế, tỷ trọng GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng GTSX chung của toàn huyện Hòa Vang có xu hướng giảm dần, giảm từ 39,71% năm 2007 xuống còn 33,61% năm 2010.

Trong cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, tỷ trọng GTSX ngành nông nghiệp trong GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 83,50% năm 2007 xuống còn 80,86% năm 2010 (Trong đó, ngành trồng trọt giảm từ 51,76% năm 2007 xuống còn 48,54% năm 2010). Ngược lại, tỷ trọng ngành lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng tăng lên, cụ thể là tỷ trọng ngành lâm nghiệp tăng từ 9,42% lên 11,26% năm 2010, và ngành thủy sản tăng từ 7,08% năm 2007 lên 7,87% năm 2010. Điều này chứng tỏ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản huyện Hòa Vang đang chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng các ngành chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt.

Mặt khác, GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tính trên một lao động ngày càng tăng lên, tăng từ 20,82 triệu đồng/lao động năm 2007 lên 30,79 triệu đồng/lao động.

Kinh tế hộ của huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, thương mại, dịch vụ, ngành nghề truyền thống ... phục vụ cho kinh tế địa

phương, cung cấp sản phẩm cho thành phố. Nhìn chung, kinh tế hộ của huyện Hòa Vang đã và đang có sự dịch chuyển cơ cấu mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hoá, tốc độ tăng trưởng cao, tạo việc làm cho số đông người lao động. Những kết quả mà nền kinh tế huyện Hòa Vang đạt được đã và đang có sự đóng góp đáng kể của kinh tế hộ sản xuất trên địa bàn.

** Sản xuất nông nghiệp*

Việc phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa là xu hướng chung của cả nước, với sự phát triển của xu thế này, sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa đang là vấn đề mang tính cấp bách, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, nhằm giải quyết tổng hợp các mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế và môi trường ở các vùng nông thôn nước ta. Huyện Hòa Vang đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm bố trí cơ cấu sản xuất, lao động giữa các vùng cho phù hợp, đảm bảo lương thực, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ môi trường sinh thái.

GTSX ngành trồng trọt tính trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp và tính trên 1 lao động nông nghiệp tăng lên qua từng năm, cụ thể đối với GTSX tính trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp tăng từ 21,05 triệu đồng/ha tăng lên 24,42 triệu đồng/ha năm 2010 và tính trên 1 lao động nông nghiệp tăng từ 4,28 triệu đồng/lao động năm 2007 tăng lên 5,02 triệu đồng/lao động năm 2010.

Trong nội bộ ngành trồng trọt thì lúa vẫn là cây trồng chính, mặc dù diện tích sản xuất lúa có giảm do quá trình đô thị hóa, song vẫn chiếm diện tích lớn.

Mặc dù chịu sức ép lớn từ các sản phẩm nhập ngoại, giá vật tư đầu vào như thức ăn, thuốc thú y,... tăng cao, tình hình dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm như cúm gia cầm (H5N1), lở mồm long móng trên đàn gia súc, hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản ở lợn (bệnh tai xanh), ... liên tục bùng

phát, lây lan trên diện rộng và khó kiểm soát. Tuy nhiên, do làm tốt công tác tiêm phòng vaccine, phòng chống dịch bệnh, tập huấn hướng dẫn về kỹ năng chăn nuôi, sự hỗ trợ tích cực từ ngành trồng trọt và đặc biệt trên địa bàn huyện đã hình thành các cơ sở sản xuất giống, cơ sở chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại và công nghiệp. Ngoài việc tập trung chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm truyền thống, ngành chăn nuôi đã chú trọng du nhập giống bò sind để cải tạo đàn bò lai sind và chăn nuôi các con giống mới như đà điểu, nhím, kỳ nhông, thỏ, heo rừng, ... Nhờ đó, ngành chăn nuôi không những vượt qua được những khó khăn, thách thức mà còn đạt được những kết quả nổi bật, góp phần thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Năm 2007 tổng đàn lợn của huyện đạt 90.000 con, đến năm 2010 tăng lên 96.000 con. Trong đó, có 11 trang trại chăn nuôi lợn, 17 hộ chăn nuôi với quy mô trên 50 con.

Tổng đàn bò của huyện năm 2010 đạt 19.200 con, tăng so với năm 2007 là 400 con. Ngoài chăn nuôi tập trung với số lượng trên 20 con ở 23 hộ chăn nuôi thì đàn bò còn được các hộ chăn nuôi theo hình thức quảng canh, chăn dắt,...

Những năm gần đây, việc áp dụng cơ giới hóa với các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp ngày càng diễn ra mạnh mẽ, đã làm giảm phụ thuộc sức kéo vào các loại gia súc, do vậy chăn nuôi trâu của huyện ngày càng giảm, năm 2010 so với năm 2007 giảm 278 con.

Năm 2007 tổng đàn gia cầm là 650.000 con, đến năm 2010 tăng lên 750.000 con. Huyện Hòa Vang ngành chăn nuôi gia cầm có chiều hướng phát triển tốt, tính đến nay toàn huyện có 120.800 gà chuyên đẻ trứng nuôi ở các trang trại, 63.159 con vịt. Hiện nay, toàn huyện có đến 43 hộ, cơ sở nuôi cút đẻ trứng với 132.000 con và 33 trang trại chăn nuôi gà.

** Lâm nghiệp*

Sản xuất lâm nghiệp hình thành theo hướng đa dạng thâm canh, kết hợp tạo ra sản phẩm hàng hóa để nâng cao đời sống cho người trồng rừng và thay đổi bộ mặt nông thôn. Các mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp đã được hình thành, hệ sinh thái rừng – vườn – ao – chuồng, đã đem lại hiệu quả thiết thực đối với nông dân. Sản xuất công nghiệp chế biến lâm sản và tiểu thủ công nghiệp đã góp phần giải quyết công ăn việc làm và khơi dậy các ngành nghề truyền thống về mộc và thủ công mỹ nghệ ở địa phương. Các dự án đã đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi đến người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển lâm nghiệp theo chiều hướng tích cực.

Diện tích rừng trồng chiếm 30,05%, tương đương 15.003 ha; rừng trồng chủ yếu là cây nhập nội thích hợp vùng đồi hiện nay, tốc độ sinh trưởng nhanh, năng suất cao, sau 5 năm đến 7 năm tăng trưởng 40 m³/ha đến 50 m³/ha và phần lớn phục vụ cho nguồn nguyên liệu giấy. Ngoài ra, các loại cây bản địa cũng được đưa vào trồng, bước đầu đã thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng của huyện.

** Thủy sản*

Huyện Hòa Vang có đặc điểm thuận lợi về phát triển nuôi trồng thủy sản, tận dụng các ao hồ có sẵn, các diện tích hoang hóa, ruộng trũng, đất lúa kém hiệu quả dọc theo các kênh chính từ 2 hồ chứa nước lớn; thời gian trước đây do nhận thức của người dân chưa cao, chưa có sự quy hoạch và chính sách khuyến khích phát triển nên việc phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn mang tính tự phát là chủ yếu.

Tuy nhiên, đến nay người dân đã khai thác các diện tích hoang hóa, chuyển đổi một số diện tích đất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, phong trào nuôi trồng thủy sản trong dân phát triển nhanh, cơ cấu đối tượng nuôi đa dạng hơn, phù hợp với điều kiện thị trường tiêu thụ, cùng với sự tự

phát, chuyển đổi ngành nghề của nông dân, diện mạo ngành nuôi trồng thủy sản đã có nhiều thay đổi lớn, khu vực nuôi trồng thủy sản được mở rộng, diện tích nuôi không ngừng tăng lên. Đến năm 2010, diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện là 506 ha. Trong đó, diện tích hồ chứa là 220 ha, nuôi trong dân 232 ha, ao hồ nhỏ 34 ha, nuôi tôm nước lợ là 20 ha. Cùng với diện tích là sự gia tăng sản lượng, sản lượng từ 521 tấn năm 2007 lên 660 tấn năm 2010. Từ đó, GTSX ngành thủy sản của huyện tăng lên và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; từng bước chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa.

** Dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp*

Những năm qua, việc phát triển dịch vụ sản xuất nông nghiệp đã được các cấp, các ngành từ huyện đến xã quan tâm phát triển. Trên địa bàn huyện hiện nay có khoảng 26 hộ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cung cấp vật tư, phân bón, bảo vệ thực vật, giống cây trồng vật nuôi, dịch vụ thú y, ... Bên cạnh đó, còn có các cơ sở giết mổ, các chợ tiêu thụ hàng nông sản. Vì vậy, cơ bản đã đáp ứng các yếu tố đầu vào đúng thời vụ cho quá trình sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

** Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nông thôn*

Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện Hòa Vang tính đến cuối năm 2010 có 850 cơ sở sản xuất, trong đó có 779 hộ sản xuất. Kinh tế hộ thuộc lĩnh vực này gồm có 291 cơ sở sản xuất thực phẩm đồ uống, 90 cơ sở dệt may, 81 cơ sở chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ và còn lại là các cơ sở sản xuất cơ khí, vật liệu xây dựng, ...

Hiện nay, trên địa bàn huyện còn có 2 làng nghề truyền thống còn hoạt động đó là làng nghề chiếu Cẩm Nê và làng nghề đá chẻ Hòa Sơn. Ngoài ra, còn có các sản phẩm truyền thống như bánh tráng Túy Loan, nón La Bông nhưng phát triển nhỏ lẻ.

Chính sự dịch chuyển nói trên có vai trò quan trọng hàng đầu của hệ thống ngân hàng trong việc đầu tư vốn và cung ứng các dịch vụ ngân hàng. Song bản thân môi trường kinh doanh đó cũng thu hút nhiều ngân hàng, kể cả NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần cạnh tranh mở rộng hoạt động bằng nhiều hình thức khác nhau, từ mở chi nhánh, phòng giao dịch, đến tiếp cận khách hàng.

Tuy nhiên với truyền thống gắn bó lâu dài với hộ nông dân, với cấp ủy và chính quyền địa phương, với kinh nghiệm của cán bộ tín dụng và với nhiều lợi thế khác, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang vẫn giữ vai trò chủ lực cho vay vốn tới hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn.

2.3.1.2. Những biện pháp ngân hàng đã thực hiện để mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thời gian qua

a) Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

Từ khi được chia tách, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang với truyền thống gắn bó lâu dài với hộ nông dân, với cấp ủy và chính quyền địa phương, với kinh nghiệm của cán bộ tín dụng và với nhiều lợi thế khác; chi nhánh đã phát huy tác dụng mạnh mẽ là ngân hàng giữ vai trò chủ lực cho vay vốn tới hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn. Năm 2010, Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ ra đời đã tiếp tục tạo điều kiện thông thoáng cho chi nhánh trong việc mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn. Cơ chế, chính sách tín dụng trên đã tạo điều kiện Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang tăng trưởng nhanh dư nợ cho vay hộ sản xuất, góp phần phát triển kinh tế nông thôn, gắn tăng trưởng với nâng cao chất lượng tín dụng và khả năng an toàn vốn.

b) Chính sách tăng quy mô dư nợ

Trong thời gian qua, Chi nhánh đã cho vay đến hàng ngàn lượt hộ vay

vốn, với doanh số cho vay trên 100 ngàn triệu đồng. Cho vay hộ trong giai đoạn 2007 - 2010, doanh số cho vay, thu nợ và dư nợ cho vay hộ sản xuất ngày càng tăng. Đến cuối năm 2010 dư nợ cho vay hộ sản xuất đạt 58.818 triệu đồng, tăng so với năm 2007 là 16.904 triệu đồng, tỷ lệ tăng so với năm 2007 là 40,33% và hiện chiếm tỷ trọng là 32,56% trong tổng dư nợ, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2007-2010 là 12,26%. Để mở rộng thị trường cho vay đối với hộ sản xuất, chi nhánh đã tiến hành khảo sát cho vay theo từng đối tượng ngành nghề, thế mạnh từng vùng, theo đặc điểm dân cư từng vùng (uy tín hay không uy tín, khả năng trả nợ tốt hay xấu, ...) để có chính sách về cho vay và giới hạn cho vay đối với từng ngành nghề, cây, con, vùng miền một cách hợp lý, an toàn, hiệu quả.

c) Kiểm soát rủi ro

Trên cơ sở quy định cho vay của NHNo&PTNT Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 666/2010/HĐQT-TDHo ngày 15/6/2010, chi nhánh đã cụ thể hóa quy trình kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay đối với tất cả các đối tượng khách hàng. Tối đa là 15 ngày sau khi giải ngân, cán bộ tín dụng phải thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay đối với khách hàng. Đối với các khoản cho vay nhỏ (dưới 50 triệu đồng) của hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp không nhất thiết là 15 ngày nhưng khi khách hàng có nhu cầu cơ cấu thời hạn trả nợ hoặc phát sinh nợ xấu thì trước đó CBTD phải thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay.

d) Phân tích ưu nhược điểm của các biện pháp đã thực hiện

** Những mặt làm được*

Điểm nổi bật trong công tác tín dụng là chi nhánh luôn tập trung, ưu tiên đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời khai thác các dự án lớn gắn với tiềm năng, thế mạnh của địa phương qua đó góp phần phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ở địa phương. Mở rộng được

cho vay với quy mô tăng trưởng cao hàng năm trong điều kiện địa bàn nông thôn rộng lớn, món vay nhỏ, lượng khách hàng đông. Đã quan tâm thực hiện công tác chăm sóc khách hàng để có hướng xử lý linh hoạt, mềm dẻo, đúng pháp luật.

** Những mặt chưa làm được*

Triển khai các sản phẩm dịch vụ mới còn chậm. Chưa đa dạng hóa các sản phẩm cho vay đến hộ gia đình, cá nhân như các NHTM cổ phần. Thông tin phòng ngừa rủi ro, nhất là khai thác thông tin tín dụng (CIC) chưa được quan tâm đúng mức do số lượng khách hàng là hộ sản xuất tương đối nhiều. Công tác thẩm định khi cho vay, đôi lúc còn dễ dãi nhằm mục đích thu hút khách hàng cạnh tranh để tăng trưởng quy mô kinh doanh.

2.3.2. Phân tích kết quả mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang (2007-2010)

2.3.2.1. Tình hình huy động vốn

Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ tín dụng, tự chủ về tài chính với phương châm hoạt động “đi vay để cho vay”. Chi nhánh đã có nhiều giải pháp để tăng cường huy động vốn thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về vốn của khu vực nông nghiệp - nông thôn mà tiêu biểu là hộ sản xuất. Mặc dù trong những năm qua, lãi suất huy động có những biến động bất lợi, với việc chạy đua của các ngân hàng cổ phần, nhưng với sự điều tiết hợp lý và sự nỗ lực của CBCNV chi nhánh nên nguồn vốn huy động tăng trưởng vững chắc qua các năm, cụ thể như sau:

Bảng 2.3 Thực trạng huy động vốn qua các năm

ĐVT: Triệu đồng, %

Chi tiêu	Năm 2007	Năm 2008			Năm 2009			Năm 2010		
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)
Tổng nguồn vốn	77.668	141.259		+81,88	281.653		+99,39	385.089		+36,72
1. Phân theo kỳ hạn	77.668	141.259		+81,88	281.653		+99,39	385.089		+36,62
- TG không kỳ hạn	1.817	16.503	11,68	+808,26	97.387	34,58	+490,12	93.105	24,18	-4,40
- TG có kỳ hạn	75.851	124.756	88,32	+64,48	184.266	65,42	+47,70	291.984	75,82	+58,46
+ TG có kỳ hạn < 12T	13.819	89.558	63,40	+548,08	114.843	40,77	+28,23	185.777	48,24	+61,77
+ TG có kỳ hạn > 12T	62.032	35.198	24,92	-43,26	69.423	24,65	+97,24	106.207	27,58	+52,99
2. Phân theo tính chất tiền gửi	77.668	141.259		+81,88	281.653		+99,39	385.089		+36,72
- TG Kho bạc	0	0		0	45.398	16,12		71.284	18,51	+57,02
- TG tổ chức kinh tế	1.608	15.952	11,29	+892,04	51.534	18,30	+223,06	21.615	5,61	-58,06
- TG dân cư	76.060	125.307	88,71	+64,75	184.721	65,58	+47,41	292.190	75,88	+58,18

(Nguồn: Báo cáo tổng kết Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang năm 2007-2010)

Qua bảng thực trạng huy động vốn qua các năm 2007-2010, ta thấy nguồn vốn huy động tăng liên tục. Đến cuối năm 2010, nguồn vốn huy động đạt 385.089 triệu đồng, tăng 36,72% so với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng trung bình từ năm 2007-2010 xấp xỉ 72,66%.

Xét về cơ cấu nguồn vốn theo kỳ hạn, ta thấy tiền gửi có kỳ hạn liên tục tăng, đến cuối năm 2010 đạt 291.984 triệu đồng, tăng 58,46% so với năm 2009; tốc độ tăng bình quân từ năm 2007-2010 là 56,88% và hiện đang chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nguồn vốn, chiếm 75,82% trong tổng nguồn vốn. Đây được đánh giá là thành công của chi nhánh trong việc tạo điều kiện để mở rộng cho vay.

Về cơ cấu nguồn vốn theo tính chất tiền gửi, nguồn vốn huy động của

chi nhánh đến cuối năm 2010 đạt 385.089 triệu đồng là tương đối cao. Ngoài việc tập trung huy động vốn có tính chất ổn định chiếm tỷ trọng chủ yếu từ tiền gửi dân cư (Chiếm tỷ trọng 75,88% trong tổng nguồn vốn) để cho vay; trong năm 2009 và năm 2010 chi nhánh huy động nguồn vốn tạm thời chờ thanh toán từ tiền gửi Kho bạc, được xác định là hỗ trợ về tài chính.

Mặc dù, thực trạng nguồn vốn huy động tại chỗ của chi nhánh đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, chi nhánh còn có những vấn đề cần khắc phục, cụ thể:

- Loại tiền gửi không kỳ hạn rất cần thiết cho việc hạ lãi suất đầu vào, tạo thuận lợi cho chi nhánh trong việc cạnh tranh về lãi suất đầu ra, tăng khả năng tài chính vì giảm được chi phí hoạt động. Tuy nhiên, loại tiền gửi này tính ổn định không cao, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, nhất là trong điều kiện sử dụng một phần vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn.

- Loại tiền gửi có kỳ hạn chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong tổng nguồn vốn huy động, mặc dù tiền gửi trên một năm nhưng trong đó một số lớn kỳ hạn chỉ là 13 tháng, hoặc là tiền gửi tiết kiệm bậc thang có kỳ hạn tối đa là 24 tháng; vì thế về thực chất nguồn vốn huy động trung, dài hạn vẫn còn hạn chế.

2.3.2.2. Phân tích kết quả mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

a) Tăng trưởng dư nợ

Bảng 2.4 Đánh giá tốc độ tăng trưởng dư nợ

DVT: Triệu đồng, %

CHỈ TIÊU	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1. Tổng dư nợ cho vay	56.713	90.070	143.154	180.656
- Trong đó: Dư nợ cho vay HSX	41.914	48.299	48.881	58.818
2. Tỷ trọng dư nợ HSX/Tổng dư nợ	73,91%	53,62%	34,15%	32,56%

(Nguồn: Báo cáo Tin dụng tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang năm 2007-2010)

Dư nợ cho vay hộ sản xuất chiếm tỷ trọng tương đối thấp và có xu

hướng giảm do chi nhánh cho vay các dự án lớn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư trên địa bàn nông thôn tăng cao nên mặc dù dư nợ cho vay hộ sản xuất có tăng nhưng mức tăng thấp dẫn đến tỷ trọng dư nợ cho vay hộ sản xuất giảm. Năm 2009 và năm 2010, tỷ trọng dư nợ hộ sản xuất giảm xuống dưới 35%. Chi nhánh cần xem xét lại quy mô cho vay HSX trong thời gian qua và trong thời gian tới cần tập trung cho vay lĩnh vực này nhiều hơn.

b) Tăng trưởng về số lượng khách hàng hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn qua các năm

Bảng 2.5 Số lượng khách hàng hộ sản xuất qua các năm

DVT: Triệu đồng, %

CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	2009/2008		2010/2009	
				(+),(-)	%	(+),(-)	%
1. Số lượng khách hàng còn dư nợ	2.320	1.940	2.003	-380	-16,38	63	3,25
2. Mức dư nợ bình quân trên 1 hộ	20,82	25,20	29,36	4,38	21,04	4,16	16,51

(Nguồn: Báo cáo Tin dụng tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang năm 2008-2010)

Số lượng khách hàng hộ sản xuất còn dư nợ giảm trong năm 2009 nhưng tăng trong năm 2010. Dư nợ bình quân một hộ sản xuất có xu hướng tăng qua các năm, xu hướng tăng này là do trong những năm trở lại đây, cùng với sự phát triển của địa phương thì kinh tế trang trại, các hộ nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm sản, chăn nuôi lợn công nghiệp, làm nghề thủ công, dịch vụ nông nghiệp, ... phát triển tương đối mạnh, kinh doanh có hiệu quả nên nhu cầu vay vốn tăng lên. Nhiều hộ làm dịch vụ vận tải, kinh doanh nhà hàng, sản xuất vật liệu xây dựng, ... cũng cần vốn vay lớn. Bởi vậy, đây là những nhân tố quan trọng làm cho dư nợ bình quân một hộ sản xuất có xu hướng tăng cao. Điều này phản ánh thực tế là đầu tư của kinh tế hộ đã có những bước đột phá, đáp ứng được nhu cầu thực tế của khách hàng, phù hợp với những thay đổi của nền kinh tế.

c) *Mức độ đa dạng hóa trong cơ cấu cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn*

** Cơ cấu dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn phân theo ngành kinh tế*

Hàng năm, thực hiện tốt công tác tín dụng, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang luôn bám sát các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế hộ của địa phương như cho vay chăn nuôi, trồng trọt; cho vay phát triển các ngành dịch vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp như đầu tư cho các hộ mua sắm máy cày, kéo, phương tiện vận tải phục vụ cho sản xuất và chế biến nông, lâm sản; cho vay phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, ... Kết quả cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo ngành nghề cụ thể như sau:

Bảng 2.6 Thực trạng dư nợ hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo ngành kinh tế

DVT: Triệu đồng, %

Chi tiêu	Năm 2007	Năm 2008			Năm 2009			Năm 2010		
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)
Tổng dư nợ hộ sản xuất	41.914	47.924			48.881			58.818		
1. Nông nghiệp	7.135	11.418	23,83	+60,03	13.622	27,87	+19,30	13.314	22,64	-2,26
2. Lâm nghiệp	210	161	0,34	-23,66	190	0,39	+18,08	237	0,40	+24,78
3. Thủy sản	387	694	1,45	+79,35	1.188	2,43	+71,32	723	1,23	-39,18
4. Sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp	27.563	25.515	53,24	-7,43	23.173	47,41	-9,18	31.585	53,70	+36,30
5. Tiêu dùng đời sống	6.335	10.061	20,99	+58,82	10.636	21,76	+5,72	12.953	22,02	+21,78
6. Khác	284	75	0,16	-73,43	72	0,15	-5,01	7	0,01	-90,06

(Nguồn: Báo cáo Tín dụng tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang năm 2007-2010)

Qua bảng số liệu cho thấy, hầu hết dư nợ cho vay của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh; trong đó

lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng khá cao trên 45% qua các năm, tiếp đến là lĩnh vực nông nghiệp, tiêu dùng đời sống ở nông thôn, ... với đặc điểm của địa bàn phục vụ là một huyện ngoại thành có tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản cao trong cơ cấu kinh tế so với các quận nội thành nhưng tỷ trọng cho vay nông, lâm nghiệp và thủy sản lại chiếm tỷ trọng còn khiêm tốn, chưa tương xứng với địa bàn mà chi nhánh hoạt động.

** Cơ cấu dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn phân theo kỳ hạn*

Về cơ cấu dư nợ phân theo kỳ hạn, ta thấy tuy tổng dư nợ hộ sản xuất ngày càng tăng lên; dư nợ ngắn hạn, trung và dài hạn cũng tăng đều qua các năm; tuy nhiên có sự mất cân đối khá lớn giữa tỷ trọng cho vay ngắn hạn và trung, dài hạn trong tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, cụ thể:

Bảng 2.7 Thực trạng dư nợ hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo kỳ hạn

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008			Năm 2009			Năm 2010		
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)
Tổng dư nợ hộ sản xuất	41.914	47.924			48.881			58.818		
1. Ngắn hạn	30.601	34.702	72,41	+13,40	35.106	71,82	+1,16	44.627	75,87	+27,12
2. Trung, dài hạn	11.313	13.222	27,59	+16,88	13.775	28,18	+4,18	14.190	24,13	+3,02

(Nguồn: Báo cáo Tín dụng tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang năm 2007-2010)

Dư nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất, bình quân giai đoạn năm 2007 – 2010 mỗi năm chiếm tỷ trọng khoảng hơn 70%, còn dư nợ trung, dài hạn chỉ chiếm khoảng 24% đến 29%. Tuy nhiên, trong giai đoạn này dư nợ trung hạn bình quân vẫn tăng hơn 8% mỗi năm nhưng so với nhu cầu vốn đầu tư tài sản cố định, cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn hạn chế. Đây là một dấu hiệu không tốt bởi tiền đề để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn đòi hỏi một nguồn vốn lớn để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải trong sản xuất và phục vụ nông nghiệp - nông thôn. Điều này một phần là do cơ cấu huy động vốn, một phần là do các hộ sản xuất chưa chủ động xây dựng kế hoạch trung, dài hạn.

** Cơ cấu dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn phân theo hình thức bảo đảm tiền vay*

Với địa bàn hoạt động thuộc khu vực nông thôn, khách hàng vay vốn thường không đủ điều kiện về tài sản đảm bảo, cũng như quy định về định giá tài sản đảm bảo thường thấp hơn so với giá thị trường nên trong thời gian qua cũng ảnh hưởng phần nào đến quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất. Kết quả cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn theo hình thức bảo đảm tiền vay được thể hiện như sau:

Bảng 2.8 Thực trạng dư nợ hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo hình thức bảo đảm tiền vay

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008			Năm 2009			Năm 2010		
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	(+),(-) (%)
Tổng dư nợ hộ sản xuất	41.914	47.924			48.881			58.818		
1. Bảo đảm bằng tài sản	30.004	29.009	60,53	-3,32	33.134	67,78	+14,22	42.559	72,36	+28,45
2. Không bảo đảm bằng tài sản	11.910	18.915	39,47	+58,82	15.747	32,22	-16,75	16.259	27,64	+3,25

(Nguồn: Báo cáo Tin dụng tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang năm 2007-2010)

Dư nợ cho vay bảo đảm bằng tài sản chiếm tỷ trọng trên 60% trong tổng dư nợ cho vay của chi nhánh qua các năm. Mặc dù, dư nợ cho vay không có bảo đảm bằng tài sản năm 2010 có xu hướng tăng so với năm 2009, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng dư nợ. Trong khi Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp - nông thôn ra đời đã tháo gỡ một số khuyết điểm về cho vay không có tài sản đảm bảo đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của Quyết định 67/1999/QĐ-TTg của Chính phủ trước đây. Theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP, cơ chế đảm bảo tiền vay được xem xét cho vay không có đảm bảo bằng tài sản ở mức:

- Tối đa 50 triệu đồng đối với đối tượng là các cá nhân, hộ sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp;
- Tối đa đến 200 triệu đồng đối với các hộ kinh doanh, sản xuất ngành nghề hoặc dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn;
- Tối đa đến 500 triệu đồng đối với các đối tượng là các hợp tác xã, chủ

trang trại.[3]

Điều này là do tâm lý cán bộ tín dụng còn sợ trách nhiệm, rủi ro, lãnh đạo ngân hàng chưa mạnh dạn trong việc chỉ đạo cho vay. Ngoài ra, cũng có thể là do khách hàng vay vốn chưa xây dựng được phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả. Vì vậy, đã ảnh hưởng đến việc mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại chi nhánh. Do đó, trong thời gian đến chi nhánh cần nhanh chóng triển khai và thực hiện theo Nghị định này để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng và mở rộng cho vay.

d) Chất lượng cung ứng các hoạt động dịch vụ cho khách hàng là hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Trong những năm gần đây, chi nhánh đã quan tâm đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng hộ sản xuất, như: Hồ sơ thủ tục khi vay vốn đơn giản, thuận tiện, mẫu hồ sơ vay vốn đã được cải thiện đẹp hơn và thuận tiện hơn cho khách hàng. Chú trọng phong cách giao dịch của nhân viên ngân hàng để tư vấn khách hàng là hộ gia đình, cá nhân sử dụng các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.

Bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại như chưa có một chính sách chăm sóc khách hàng hộ sản xuất nhất quán và rõ ràng như đối với khách hàng doanh nghiệp. Phần lớn CBTD đều đã lớn tuổi, kỹ năng về chăm sóc khách hàng còn hạn chế và chưa có thói quen tiếp thị khách hàng theo cách kết hợp đồng thời với các sản phẩm hiện có để tạo ra một chính sách “bán chéo” các sản phẩm tài chính.

e) Về kết quả kiểm soát rủi ro cho vay

Kiểm soát rủi ro cho vay là một tiêu chí kiểm soát đối với quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất. Để xem xét tiêu chí này ngân hàng thường sử dụng chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ, tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Với điều kiện số liệu hiện có, luận văn sử dụng các chỉ tiêu: mức tăng (giảm)

nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu.

Bảng 2.9 Thực trạng nợ xấu hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
			Số tiền	(+),(-)	Số tiền	(+),(-)	Số tiền	(+),(-)
1. Nợ xấu HSX	Triệu đồng	2.543	1.732	-811	2.272	+540	1.609	-663
2. Tỷ lệ nợ xấu HSX/Tổng dư nợ HSX	%	6,07	3,59	-2,48	4,65	+1,06	2,74	-1,91

(Nguồn: Báo cáo Tín dụng tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang năm 2007-2010)

Năm 2009, tình hình nợ xấu của năm này tăng so với năm trước là do một số khách hàng bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 nên việc sản xuất bị đình trệ và không có khả năng thanh toán nợ đúng hạn. Đặc biệt, cơn bão số 9 đã làm ảnh hưởng nặng nề đến đời sống kinh tế - xã hội tại địa phương.

Qua năm 2010, nợ xấu giảm nhiều so với năm 2009. Dư nợ xấu giảm đến -663 triệu so với năm 2009, tương ứng với mức giảm tỷ lệ nợ xấu là -1,91%. Theo đánh giá của ngân hàng thì tình hình nợ xấu được cải thiện là do sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết của Ban giám đốc, giao khoán cho từng phòng, từng cán bộ tín dụng cũng như sự nỗ lực không ngừng tận thu các khoản nợ quá hạn và nợ xấu phát sinh của toàn chi nhánh. Bên cạnh đó, việc cho xử lý rủi ro của ngân hàng cấp trên một số khoản nợ xấu cũng tác động tích cực đến công tác thu hồi nợ xấu trong năm 2010.

Chất lượng tín dụng là một trong những vấn đề mà Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, tùy theo từng thời kỳ và chiến lược mà ưu tiên, có thể chấp nhận rủi ro để mở rộng khách hàng hoặc ngược lại. Bên cạnh việc mở rộng tín dụng, tạo điều kiện thông thoáng cho khách hàng dễ dàng tiếp cận với các khoản vay phục vụ nhu cầu

đầu tư phát triển sản xuất, tiêu dùng; công tác phân loại nợ khách hàng, kiểm tra giám sát hoạt động sử dụng vốn của khách hàng cũng rất được chi nhánh chú trọng.

2.3.3. Đánh giá chung về thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

2.3.3.1. Những kết quả và hạn chế

a) Kết quả

* Hoạt động huy động vốn và cho vay của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang đã từng bước phát triển theo quy luật của nền kinh tế thị trường hiện đại; đảm bảo phân bổ vốn cho vay đến hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn theo yêu cầu của thị trường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội tại địa phương. Sự đổi mới đó tác động trực tiếp đến nhận thức của chi nhánh và hộ sản xuất. Chi nhánh đã không ngừng phấn đấu làm tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong hoạt động tài chính và kinh doanh tiền tệ, là cầu nối đối với hộ sản xuất có nhu cầu để vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh. Hộ sản xuất phải thể hiện rõ bản lĩnh và năng lực sản xuất, kinh doanh theo ngành, lĩnh vực của mình, tạo niềm tin đối với chi nhánh để vay vốn, sử dụng có hiệu quả, không mất vốn đã vay mà phải đảm bảo sản xuất, kinh doanh có lãi, đủ sức trả nợ gốc, lãi đúng hạn và đem lại thu nhập từ hoạt động kinh tế của mình. Chính sự đổi mới căn bản về nhận thức đó đã thúc đẩy việc cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn phát triển theo yêu cầu của thị trường. Đồng thời, cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu vốn trên địa bàn huyện Hòa Vang.

* Mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn đã nâng cao vị trí, vai trò của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang cũng như đối với hộ sản xuất.

- Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang:

+ Xác định rõ hơn địa bàn hoạt động của chi nhánh là nông thôn, đối tượng cho vay là kinh tế hộ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

+ Xác định ngày càng rõ hơn phương thức cho vay, đảm bảo an toàn đồng vốn đã cho vay.

+ Nâng cao được năng lực đội ngũ cán bộ, phát triển khoa học - công nghệ ngân hàng. Trong giai đoạn hiện nay, buộc đội ngũ cán bộ làm tín dụng phải nâng cao trình độ, đặc biệt là trình độ hướng dẫn người dân lập dự án kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư, ... đội ngũ cán bộ chi nhánh không ngừng trưởng thành.

- Hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn:

+ Xác định được vị trí, vai trò của mình trong sự nghiệp CNH - HDH nông thôn. Tích cực, chủ động vay vốn, đầu tư vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh đem lại thu nhập cho mình, cho xã hội góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nông thôn, thực hiện xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập và mức sống của dân cư nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

+ Nâng cao nhận thức về kinh tế thị trường; nâng cao năng lực lập dự án sản xuất, kinh doanh trong cơ chế kinh tế thị trường.

Như vậy, khi vị trí, vai trò của chi nhánh và hộ sản xuất đã được xác định rõ ràng, cụ thể sẽ góp phần phòng và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động cho vay. Đó cũng là nguyên nhân cơ bản đảm bảo cho tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu tại chi nhánh giảm. Nhờ đó chất lượng tín dụng từng bước được nâng lên.

* Mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn đã thúc đẩy quá trình hoàn thiện cơ chế, chính sách điều tiết vĩ mô của nhà nước; đảm bảo tính hiệu quả và bền vững trong các quyết định can thiệp của nhà nước đối với quá trình CNH - HDH nông thôn.

Thời gian qua, Chủ trương, Chính sách của Đảng, Nhà nước về tài chính - tín dụng đối với khu vực nông thôn đã từng bước đổi mới và đi vào cuộc sống, tạo ra sự chuyển động lớn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Từ chỗ tăng cường vốn cho nông nghiệp - nông thôn; cho vay đến tận hộ gia đình với mức lãi suất ưu đãi, mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản không ngừng được tăng lên. Đó là sự thể hiện chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nâng đỡ và hỗ trợ đối với khu vực nông thôn, góp phần đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh CNH - HĐH nông thôn.

* Mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất đã làm thay da, đổi thịt trên địa bàn huyện Hòa Vang do được cung ứng vốn cho đầu tư phát triển. Hiệu quả kinh tế nông nghiệp, nông thôn tại địa phương được nâng lên rõ rệt. Trình độ sản xuất hàng hóa gắn với thị trường của từng hộ được cải thiện, góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn trên địa bàn huyện Hòa Vang phát triển rõ rệt. Đồng thời, mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng về sản phẩm nông nghiệp, tăng tỷ trọng về sản phẩm công nghiệp và dịch vụ; nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn.

b) Hạn chế

* Nhu cầu vay vốn của hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn chưa cao và chưa thật sự chuyển biến nhận thức trong sản xuất, kinh doanh theo cơ chế kinh tế thị trường hiện đại, dám nghĩ, dám làm và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh hướng về thị trường.

- Thực tế có số ít hộ sản xuất có năng lực vay vốn với khối lượng lớn đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh. Đa số hộ sản xuất vay vốn là hộ nông dân nghèo, nội lực yếu, khả năng lập dự án sản xuất, kinh doanh hạn chế; năng lực sử dụng đồng vốn kém hiệu quả, còn thụ động, trong chờ vào sự nâng đỡ và hỗ trợ của Nhà nước.

* Cơ cấu huy động và cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại chi nhánh chưa hợp lý.

- Huy động vốn tại chi nhánh chủ yếu từ nguồn vốn tiết kiệm của dân cư; chủ yếu là huy động vốn ngắn hạn mà chưa đẩy mạnh huy động vốn trung và dài hạn. Thực tế chi nhánh dùng vốn tín dụng ngắn hạn chuyển cho vay trung, dài hạn làm gia tăng mức độ rủi ro trong hoạt động cho vay tín dụng.

* Vấn đề xử lý về tài sản thế chấp ở nông thôn còn gặp nhiều khó khăn và vướng mắc.

- Hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thường dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp. Những năm qua, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện gặp nhiều rủi ro dịch bệnh, thiên tai, ... làm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân thua lỗ, không trả được khoản vay. Vì vậy, nợ quá hạn tồn đọng tại chi nhánh và dần chuyển thành nợ xấu. Nếu thanh lý tài sản, chuyển nhượng đất canh tác sẽ trở thành vấn đề xã hội rất nhạy cảm, bởi người dân nếu không có đất canh tác sẽ không có việc làm, không có thu nhập.

2.3.3.2. Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến việc mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo &PTNT huyện Hòa Vang

- Trong hoạt động sản xuất nông nghiệp còn chứa đựng nhiều rủi ro, do diễn biến thời tiết phức tạp, khó lường, dịch bệnh, sâu bệnh luôn rình rập; thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản, thực phẩm chưa ổn định, một số mặt hàng xuất khẩu thì phụ thuộc quá nhiều vào giá cả thế giới, ... thêm vào đó, công tác nghiên cứu, dự báo kinh tế liên quan đến lĩnh vực này còn yếu nên đã gây ra hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất. Tất cả những điều đó đã gây những khó khăn nhất định cho việc mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất của chi nhánh.

- Hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn còn mang nặng tâm lý trong chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, thể hiện rõ trong việc thiếu chủ động khai thác nguồn vốn, hình thành vốn lớn trong kinh doanh; hộ sản xuất là hộ nông dân chưa thực sự làm quen với hoạt động sản xuất, kinh doanh theo môi trường kinh tế mới, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Kinh tế nông nghiệp, nông thôn huyện Hòa Vang còn thấp, sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn chủ yếu quy mô nhỏ, manh mún và vẫn mang đậm dấu ấn của phương thức sản xuất tự cung, tự cấp. Một số ngành, lĩnh vực sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa nhưng khối lượng sản phẩm hàng hóa không lớn, chất lượng sản phẩm chưa cao, thị trường tiêu thụ còn gặp nhiều khó khăn, ... Chính vì vậy, mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn phát sinh chi phí cao, cán bộ quản lý một số lượng khách hàng quá lớn, vốn vay thường xuyên gặp rủi ro bất khả kháng, dễ phát sinh nợ xấu, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, thi đua của cá nhân nên có lúc ngại mở rộng cho vay hoặc giảm sút tính năng động, tích cực.

- Đội ngũ CBCNV của chi nhánh mặc dù được cải thiện trong những năm qua, song nếu đi vào tiêu chuẩn hóa các chức danh, nhiệm vụ cụ thể của từng cán bộ vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Năng lực nghề nghiệp yếu, khả năng nắm bắt thực tiễn thiếu nhạy bén về kinh tế hộ, sản xuất nông nghiệp và ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn, dẫn đến khó khăn trong việc thẩm định, xét duyệt dự án đầu tư.

- Các dịch vụ ngân hàng đơn điệu, thiếu tính linh hoạt, mềm dẻo, khó thu hút được khách hàng, đặc biệt là người gửi tiền và người có năng lực đầu tư hiệu quả phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Nhìn chung trong thời gian qua, cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tuy có những hạn chế nhất định, nhưng về cơ bản chi nhánh đã đáp ứng được nhu cầu vốn trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn;

hoạt động cho vay của chi nhánh đã kết hợp cho vay thông thường với cho vay theo quyết định về cho vay hỗ trợ lãi suất, cho vay theo các chính sách của Nhà nước, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, luận văn đặt trọng tâm vào thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang dựa trên cơ sở là các tiêu chí đánh giá quá trình mở rộng cho vay đã nêu ở chương 1. Để có cơ sở đánh giá một cách có hệ thống và cụ thể thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của chi nhánh, luận văn đã trình bày và phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ở huyện Hòa Vang, các đặc điểm cơ bản của chi nhánh ngân hàng ảnh hưởng đến quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại chi nhánh trong thời gian qua.

Luận văn cũng tiến hành phân tích những kết quả, hạn chế và một số nguyên nhân ảnh hưởng đến việc mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.

Kết quả nghiên cứu của chương 2 là cơ sở để đề xuất các giải pháp trong chương 3.

Chương 3

GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG

3.1. NHỮNG CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng phát triển của huyện Hòa Vang

3.1.1.1. Mục tiêu

** Mục tiêu tổng quát*

- Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo lương thực đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn huyện và một phần dân cư thành phố trước mắt và lâu dài.

- Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và cách thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, chất lượng cuộc sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng cao.

** Mục tiêu cụ thể*

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn huyện Hòa Vang theo hướng hiện đại: giảm tỷ trọng sản phẩm và lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng sản phẩm và lao động trong công nghiệp và dịch vụ. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Mục tiêu cụ thể về phát triển nông nghiệp, nông thôn huyện đến năm 2015 và năm 2020 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ngày càng tăng lên, bình quân giai đoạn 2010 – 2015 tăng khoảng 4-4,5%/năm, giai đoạn

2015-2020 tăng bình quân 3-3,5%/năm; đến năm 2015 giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 412.310 triệu đồng và đến 2020 đạt 546.580 triệu đồng.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện đến năm 2015 là: nông nghiệp chiếm tỷ trọng 77%, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 13,8% và thủy sản chiếm tỷ trọng 9,2%. Năm 2020 cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch là: nông nghiệp chiếm tỷ trọng 72%, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 17,4% và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,6%.

3.1.1.2. Định hướng phát triển của các vùng

- Vùng đồng bằng của huyện Hòa Vang: Tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ để tăng năng suất, chất lượng cây trồng, con vật nuôi. Phát triển chăn nuôi theo hướng quy mô công nghiệp, chăn nuôi an toàn, sạch bệnh và đầu tư hình thành các vùng trồng lúa chất lượng cao, vùng sản xuất giống, vùng trồng rau và hoa chuyên canh.

- Vùng trung du, miền núi của huyện Hòa Vang: Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt, trồng cây ăn quả, kinh tế vườn, phát triển chăn nuôi trang trại, hỗ trợ phát triển kinh tế lâm nghiệp, hỗ trợ phát triển tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho vùng miền núi và vùng đồng bào dân tộc.

3.1.2. Định hướng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế huyện Hòa Vang, định hướng chung của NHNo&PTNT Việt Nam, định hướng của Chi nhánh NHNo&PTNT thành phố Đà Nẵng, kết hợp với tình hình phân tích cụ thể của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang, trong thời gian đến chi nhánh đề ra những định hướng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn như sau:

- Xác định thị trường nông nghiệp, nông thôn là thị trường truyền thống với nhiều tiềm năng phát triển kinh tế như chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi

trồng thủy sản, trồng cây công nghiệp, ... Vì vậy, chi nhánh luôn định hướng mức tăng trưởng dư nợ cho vay ở mức hợp lý, ưu tiên cho vấn đề đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; trước hết là hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn nhằm chuyển dịch cơ cấu sản xuất, bảo đảm tỷ lệ dư nợ cho vay kinh tế nông nghiệp, nông thôn từ 70 – 75% trong tổng dư nợ, trong đó tỷ lệ dư nợ cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn phải đạt tối thiểu 50% trong tổng dư nợ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt, có hiệu quả Nghị định số 41/2010/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ và thông tư hướng dẫn của NHNN về chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp - nông thôn.

- Giữ vững khách hàng truyền thống đi đôi với tiếp cận khách hàng mới.

- Mở rộng cho vay phải gắn với nâng cao chất lượng đầu tư.

- Tập trung thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu, nợ XLRR, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ gốc, lãi tồn đọng.

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ ngân hàng, thông qua việc nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ trong hoạt động cho vay. Triển khai việc giao khoán đến các bộ phận và từng cá nhân, gắn kết quả thực hiện công việc với khuyến khích lợi ích vật chất. Đa dạng hóa hợp lý cơ cấu cho vay.

- Chỉ tiêu định hướng về hoạt động cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn:

+ Tăng trưởng dư nợ cho vay hộ sản xuất 15%/ năm

+ Dư nợ cho vay trung hạn hộ sản xuất chiếm ít nhất 40% trong tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất.

+ Tỷ lệ nợ xấu thấp hơn 3% trong tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất.

3.1.3. Một số vấn đề có tính nguyên tắc khi đề xuất giải pháp

- Mở rộng cho vay phải đi đôi với việc tăng cường công tác huy động vốn, các công tác huy động vốn là mục tiêu quan trọng quyết định khả năng mở rộng cho vay.

- Kiên trì mục tiêu cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, đảm bảo vốn cho vay đủ mạnh, đáp ứng tất cả yêu cầu trong chương trình phát triển kinh tế tổng thể của huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cũng như thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Mở rộng cho vay phải tuân thủ nghiêm ngặt các văn bản, quy định của ngành, của pháp luật. Không vì mục tiêu tăng trưởng dư nợ mà cố ý làm trái các quy định gây thất thoát vốn.

- Mở rộng cho vay phải đảm bảo mục tiêu kép là hiệu quả kinh tế gắn liền với hiệu quả xã hội.

- Mở rộng cho vay gắn liền với việc cung ứng các dịch vụ thanh toán, tiền gửi, ngân quỹ, ... tạo thành quy trình khép kín trong quan hệ với khách hàng.

3.2. GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY HỘ SẢN XUẤT THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT HUYỆN HÒA VANG

Trên cơ sở thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang thời gian qua, để không ngừng nâng cao hiệu quả mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, chi nhánh cần chú trọng thực hiện các giải pháp sau:

3.2.1. Giải pháp về mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

3.2.1.1. Tìm kiếm, lựa chọn, thu hút và xây dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng

Việc tìm kiếm khách hàng mới là tất yếu để mở rộng cho thị trường nhưng lựa chọn và thu hút những khách hàng tốt để tài trợ vốn mới thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng cho vay và nâng cao chất lượng tín dụng.

Hộ sản xuất thuộc khu vực nông thôn với khả năng thu thập thông tin, kỹ năng kinh doanh còn hạn chế, tâm lý không dám mạo hiểm trong kinh doanh, ngại vay vốn của dân cư nông thôn. Ngoài ra, hộ sản xuất ở nông thôn do thiếu thông tin, yếu về quan hệ giao tiếp nên ngại trực tiếp tiếp cận với ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng nên xúc tiến việc tiếp thị đối với khách hàng nhằm giới thiệu những khả năng mà ngân hàng có thể đáp ứng, kích thích nhu cầu vay vốn của khách hàng. Để thực hiện được điều này ngân hàng cần phải:

- Đề ra chiến lược quảng cáo, tiếp thị. Tăng cường khâu quảng bá, tiếp xúc trực tiếp, bám sát địa bàn để nắm thông tin chính xác từ phía khách hàng, phải xác định đối tượng, địa bàn nào cần thực hiện trước.

- Không ngừng nâng cao trình độ nhân viên ngân hàng. Nhân viên tín dụng vừa phải có kiến thức về tài chính - ngân hàng, vừa phải có những hiểu biết về các lĩnh vực hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn mình phụ trách, vừa phải có kinh nghiệm hoạt động tại địa bàn, thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với chính quyền cơ sở ở địa phương, với các tổ chức đoàn thể và với các khách hàng cũ cũng như khách hàng tiềm năng. Do đó, có thể nói năng lực và phẩm chất của nhân viên tín dụng là nhân tố quyết định.

3.2.1.2. Triển khai rộng rãi phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay theo dự án đầu tư đến hộ sản xuất

Chi nhánh vẫn tiếp tục triển khai phương thức cho vay từng lần như đã thường thấy đối với hộ sản xuất. Tuy nhiên, trong thời gian tới phải đẩy mạnh phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng và phương thức cho vay theo dự án đầu tư nhằm nâng tỷ trọng cho vay các phương thức này.

- Đối với phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hộ sản xuất có vốn sản xuất - kinh doanh liên tục, hạn chế được tình trạng bị động vốn trong chu kỳ sản xuất - kinh doanh. Do đó, áp dụng phương thức này cũng là một giải pháp quan trọng hướng đến mục tiêu mở rộng cho vay. Tuy nhiên, để triển khai rộng rãi phương thức cho vay này đòi hỏi nhiều điều kiện, trong đó điều kiện quan trọng nhất là hệ thống thông tin về khách hàng là đầy đủ, chuẩn xác, được cập nhật liên tục hệ thống đo lường và đánh giá rủi ro tín dụng của ngân hàng có chất lượng và vận hành tốt. Đặc biệt, phải kiểm soát được thường xuyên dòng tiền vào, ra của khách hàng. Đó cũng là những điều kiện mà chi nhánh cần phải chuẩn bị và không ngừng hoàn thiện.

- Đối với phương thức cho vay theo dự án đầu tư nhằm mở rộng cho vay theo chương trình, dự án kinh tế lớn, với quy mô dư nợ thường lớn hơn cho vay khác giúp hộ sản xuất có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh. Mặt khác, phương thức cho vay này cho phép cải thiện cơ cấu kỳ hạn vì đa số các khoản vay theo dự án đầu tư thường có kỳ hạn dài. Để triển khai tốt phương thức cho vay này, đòi hỏi ngân hàng cần tư vấn tốt cho hộ sản xuất lập dự án kinh tế khả thi, vay vốn sát đúng yêu cầu của từng dự án, thẩm định điều kiện vay vốn, ký kết hợp đồng tín dụng cụ thể, tạo điều kiện cho hộ sản xuất vay vốn kịp thời, thuận lợi nhưng đúng thủ tục, tiết kiệm chi phí, đảm bảo an toàn vốn cho vay, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn

của huyện Hòa Vang. Vì vậy, để vận dụng thực hiện tốt phương thức cho vay theo dự án đầu tư thì ngân hàng phải đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tín dụng về khả năng thẩm định dự án, trình độ hiểu biết về kinh tế nông nghiệp, lĩnh vực mà Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang có quan hệ nhiều nhất nhưng cán bộ chưa đủ đi sâu để nắm bắt đầu tư.

3.2.1.3. Hoàn thiện cơ cấu dư nợ phân theo kỳ hạn nợ

Kết quả phân tích thực trạng ở chương 2 cho thấy, tỷ trọng dư nợ cho vay trung, dài hạn còn ở mức thấp (chiếm khoảng 24% đến 29% trong tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất); trong khi đó nhu cầu vốn đầu tư tài sản cố định, cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cũng như nhu cầu vốn cho đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải trong sản xuất, từng bước đưa kinh tế hộ sản xuất khu vực nông nghiệp - nông thôn phát triển bền vững. Để thực hiện được điều này, chi nhánh cần phải triển khai một số biện pháp đồng bộ sau:

- Điều chỉnh cơ cấu kỳ hạn huy động vốn theo hướng tăng tỷ trọng huy động vốn trung, dài hạn. Hiện tại, tỷ trọng huy động tiền gửi không kỳ hạn và dưới 12 tháng chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn huy động. Đây là một trong những nguyên nhân làm chi nhánh bị hạn chế trong việc tăng tỷ trọng cho vay trung, dài hạn.

- Tăng tỷ trọng cho vay theo dự án đầu tư. Đến nay, chi nhánh vẫn chưa thực hiện cho vay theo dự án đầu tư đối với hộ sản xuất. Việc tăng tỷ trọng cho vay theo dự án đầu tư sẽ kéo theo tỷ trọng cho vay trung, dài hạn sẽ tăng. Ngoài ra, cho vay theo dự án đầu tư thường có quy mô lớn, do đó sẽ mở rộng quy mô. Vì vậy, trong thời gian tới Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang cần phải nỗ lực hơn nữa để tiếp cận các dự án đầu tư của hộ sản xuất và nâng cao dư nợ cho vay theo dự án đầu tư.

- Xác định thời hạn vay phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh, đặc

biệt là chu kỳ của cây trồng, con vật nuôi trong cho vay nông nghiệp có tính đến những biến động của thị trường. Đặc điểm của ngành sản xuất nông nghiệp có tính đa dạng trong chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, con vật nuôi sẽ quyết định đến chu kỳ sản xuất, kinh doanh.

- Phân kỳ hạn trả lãi và gốc hợp lý đối với hộ sản xuất theo từng dòng tiền của phương án sản xuất, kinh doanh tạo ra nhằm hạn chế rủi ro cho vay đối với ngân hàng, đồng thời tạo thuận tiện cho người vay.

3.2.1.4. Tăng tỷ trọng cho vay bảo đảm không bằng tài sản

Theo quy định hiện nay, NHNo&PTNT có quyền cho mọi đối tượng, mọi trường hợp vay vốn phù hợp với quy định của pháp luật, có quyền lựa chọn, quyết định việc cho vay có bảo đảm bằng tài sản, cho vay có bảo đảm không bằng tài sản và tự chịu trách nhiệm trước quyết định cho vay của mình, không một tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào quyền tự chủ trong quá trình cho vay và thu nợ của NHNo&PTNT.

Như đã phân tích ở phần thực trạng, thì tỷ trọng cho vay bảo đảm không bằng tài sản còn thấp trong tổng dư nợ cho vay hộ sản xuất, Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ ra đời đã tạo điều kiện thuận lợi mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn; đồng thời cũng là cơ sở pháp lý vững chắc để ngân hàng tiến hành cho vay bảo đảm không bằng tài sản. Vì vậy, tăng tỷ trọng cho vay bảo đảm không bằng tài sản, đây là một trong những giải pháp cơ bản cần tháo gỡ để mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn. Sở dĩ như vậy là vì hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn thường không có tài sản bảo đảm đầy đủ so với nhu cầu khoản vay, thị trường bất động sản thường có tính thanh khoản thấp, tài sản đảm bảo thường khó đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về phương diện pháp lý, ... Muốn thực hiện giải pháp này, chi nhánh cần thay đổi về cách nhìn nhận về bảo đảm tiền vay để mở rộng cho vay, không

nên bảo đảm tiền vay như là một điều kiện duy nhất mà xem nó như là một điều kiện để thực hiện sự hoàn trả. Nếu nhìn nhận một cách thiết thực thì tài sản bảo đảm chỉ được xem là căn cứ pháp lý để ngân hàng có thêm nguồn thu thứ hai trong trường hợp khách hàng hoạt động sản xuất, kinh doanh không hiệu quả, mất khả năng trả nợ chứ không phải thay thế cho việc trả nợ. Do đó, dựa trên quan điểm này ngân hàng không nên coi trọng tài sản đảm bảo nợ vay mà cái chính ở đây là tính khả thi và xem đây là các yếu tố quan trọng, quyết định kết quả của việc cho vay. Tuy nhiên, để thực hiện tốt điều này ngân hàng cần phải gắn với việc tăng kỹ năng thẩm định tín dụng nói riêng, kỹ năng quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng nói chung.

3.2.1.5. Mở rộng mạng lưới giao dịch

Hiện nay, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang có 3 điểm giao dịch là tại Trung tâm Chi nhánh Hòa Vang, Phòng Giao dịch Hòa Phước và Phòng Giao dịch Hòa Sơn. Trong khi đó địa bàn hoạt động của chi nhánh quá rộng, chiếm đến 80% diện tích của thành phố Đà Nẵng, dân cư phân bố không đều, các phòng giao dịch chỉ phân bố ở khu vực đông dân cư nên đã ảnh hưởng đến quan hệ giao dịch với khách hàng cũng như khả năng mở rộng cho vay đến hộ sản xuất ở vùng xa cơ sở giao dịch. Bên cạnh đó, hộ sản xuất thuộc khu vực nông nghiệp - nông thôn do những hạn chế về tâm lý, về thông tin, về kiến thức, việc tiếp xúc trực tiếp với nhân viên ngân hàng là một trong những tiền đề quan trọng để họ nảy sinh nhu cầu vay vốn. Vì vậy, nhu cầu mở rộng mạng lưới giao dịch, đưa cơ sở giao dịch đến gần với khu vực dân cư là một vấn đề cần đặt ra.

Tuy nhiên, việc mở rộng mạng lưới giao dịch cũng nảy sinh các vấn đề về chi phí và hiệu quả kinh doanh. Vì vậy, giải pháp khả thi cho vấn đề này đối với ngân hàng là nghiên cứu các hình thức thích hợp của điểm giao dịch phù hợp với quy mô giao dịch hiện tại và tiềm năng. Theo hướng đó, có thể

bố trí một ngày cố định trong tuần để giao dịch với khách hàng tại các UBND xã có dân cư đông, có số lượng khách hàng và dư nợ lớn.

Ngoài ra, đối với các cơ sở giao dịch hiện có, chi nhánh cần tiếp tục đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị, xây dựng cơ sở khang trang, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của một cơ sở giao dịch, đồng thời là một bằng chứng vật chất cho hoạt động marketing, tạo uy tín cho ngân hàng.

3.2.2. Giải pháp về tăng cường quản trị rủi ro trong quá trình mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

Trong cơ chế thị trường, hoạt động cho vay ngân hàng luôn tiềm ẩn những rủi ro. Thực tế hoạt động cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang trong thời gian qua cho thấy chất lượng tín dụng chưa tốt, hiệu quả kinh doanh còn thấp, tỷ lệ nợ xấu còn ở mức cao. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải có những giải pháp phù hợp, vừa có tính khả thi, vừa thống nhất với cả hệ thống của NHNo&PTNT Việt Nam, vừa mang tính đặc thù riêng của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.

Qua kết quả phân tích ở chương 2, cho thấy tỷ lệ nợ xấu hộ sản xuất vẫn còn cao. Vì vậy, quá trình mở rộng cho vay phải đi đôi với việc tăng cường năng lực kiểm soát rủi ro tín dụng; đòi hỏi ngân hàng phải nâng cao chất lượng của công tác rủi ro tín dụng. Những vấn đề chi nhánh cần phải giải quyết trong hoạt động quản trị rủi ro bao gồm:

- Nâng cao chất lượng của công tác thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin về khách hàng hiện tại và khách hàng tiềm năng nhằm phục vụ cho công tác thẩm định tín dụng cũng như kịp thời xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và công tác giám sát sau vay, đồng thời có chính sách khách hàng thích hợp.

- Nghiên cứu, đưa vào áp dụng mô hình quản trị rủi ro phù hợp với quy định hiện hành, đặc điểm hoạt động của chi nhánh và thông lệ quốc tế. Thực hiện quy trình tín dụng chặt chẽ và khoa học. Để đảm bảo chất lượng tín dụng của khoản vay, nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng đến mức thấp nhất, việc đầu tiên ngân hàng phải làm là xây dựng một quy trình tín dụng chặt chẽ và thực hiện có chất lượng quy trình đó. Ngân hàng cần xây dựng quy trình xét duyệt, cho vay theo nguyên tắc đảm bảo tính độc lập và phân định rõ trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay. Khâu quan trọng nhất trong quy trình tín dụng, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng khoản cho vay là khâu thẩm định trước khi cho vay. Khả năng phát sinh rủi ro trong kinh doanh tín dụng dưới nhiều mức độ và hình thức khác nhau, cũng có nhiều biện pháp phòng tránh rủi ro và cách tổ chức tiến hành. Tuy nhiên biện pháp quan trọng nhất là các cán bộ tín dụng và cán bộ có liên quan phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ, thể lệ hiện hành của thống đốc NHNN và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về tín dụng và đảm bảo an toàn tín dụng của NHNo&PTNT Việt Nam. Tất cả các khoản cho vay phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ, tiến hành thẩm định, kiểm tra.

- Nâng cao chất lượng công tác phân tích tín dụng. Thẩm định các dự án/phương án sản xuất, kinh doanh được coi là khâu quan trọng nhất trước khi quyết định cho vay; kiểm tra năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, mức độ tín nhiệm trong quá trình giao dịch với ngân hàng; tham khảo thông tin tín dụng của Trung tâm Tín dụng (CIC) thuộc NHNN; xem xét cơ sở khoa học của việc lập dự án/phương án sản xuất, kinh doanh, ... Đồng thời, cần kiểm tra, theo dõi việc sử dụng tiền vay của khách hàng xem có đảm bảo đúng mục đích hay không. Áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay thích hợp tùy theo mức độ tin cậy đối với từng khách hàng nhưng thẩm định dự án/phương án sản xuất, kinh doanh vẫn là biện pháp quan trọng

nhất để cho vốn vay sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và hoàn trả được tiền vay.

- Hình thành bộ phận độc lập, chuyên trách nghiên cứu, xây dựng chiến lược khách hàng, chiến lược đầu tư tín dụng, quản lý rủi ro để đề xuất với lãnh đạo những chiến lược và quyết sách đúng đắn.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát tín dụng nội bộ. Thực hiện chấn chỉnh sửa sai sau thanh tra, kiểm soát, tăng cường công tác kiểm tra toàn bộ quy trình tín dụng, hạn chế các sai sót chủ quan của các khâu nghiệp vụ.

3.2.3. Giải pháp hỗ trợ

3.2.3.1 Giải pháp về tăng khả năng huy động vốn

Huy động vốn là một việc làm thường xuyên và rất quan trọng đối với bất kỳ một NHTM nào. Thực trạng cơ cấu huy động vốn của Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang thì tỷ trọng tiền gửi dân cư có tính chất ổn định chiếm trên 65% tổng nguồn vốn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra trong công tác huy động vốn thời gian đến vẫn phải tiếp tục tăng khả năng huy động vốn từ dân cư, trong đó chú trọng nguồn vốn trung, dài hạn nhằm đảm bảo tính ổn định và lâu dài của nguồn vốn để cho vay. Để mở rộng khả năng huy động vốn chi nhánh cần thực hiện các giải pháp sau:

a) Xây dựng chiến lược huy động vốn

Để công tác huy động vốn đạt hiệu quả như mong muốn, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang phải có một chiến lược, kế hoạch cụ thể trong từng thời kỳ. Chiến lược phải đảm bảo các nội dung cụ thể:

- Chiến lược huy động vốn phải gắn với chiến lược mở rộng đối tượng cho vay trên địa bàn huyện Hòa Vang

- Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động

- Huy động kịp thời các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân mở tài khoản tiền

gửi tại chi nhánh

b) Mở rộng hình thức huy động vốn

Với mục tiêu phải tập trung huy động tối đa mọi nguồn vốn nhân rộng trong xã hội, trên cơ sở cung cấp kịp thời các sản phẩm tiền gửi cho khách hàng với các hình thức đa dạng và phong phú nhất là các loại sản phẩm huy động vốn mới trên nền tảng công nghệ hiện đại và mang nhiều tiện ích cho khách hàng. Căn cứ từng đối tượng khách hàng, từng địa phương, từng thời kỳ cụ thể mà chi nhánh thiết kế danh mục các hình thức huy động khác nhau phù hợp và linh hoạt trong mọi tình huống.

- Áp dụng các kỳ hạn huy động vốn linh hoạt như: kỳ hạn 2 tháng, 4 tháng, 5 tháng, 24 tháng, ...

- Triển khai tiết kiệm trả góp đối với cán bộ viên chức nhà nước có nguồn thu nhập ổn định.

- Triển khai Chi thị số 20 của Chính phủ về việc trả lương qua tài khoản ngân hàng. Thông qua hình thức này, một mặt giảm được lượng thanh toán bằng tiền mặt, mặt khác, tạo nguồn vốn tiền gửi cá nhân và lượng thẻ ATM rất lớn cho chi nhánh.

c) Cơ chế lãi suất huy động vốn hợp lý

Lãi suất là công cụ quan trọng để ngân hàng huy động vốn tạm thời nhân rộng trong các tầng lớp dân cư, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang cần áp dụng lãi suất phù hợp để kích thích khách hàng gửi tiền dưới nhiều hình thức khác nhau. Tùy từng loại hình sản phẩm tiền gửi, ngân hàng áp dụng mức lãi suất khác nhau.

- Đối với các hình thức gửi tiết kiệm chi nhánh cần quan tâm đến mức lãi suất và kỳ hạn gửi.

- Đối với tiền gửi thanh toán cần đặc biệt chú ý tốc độ thanh toán và

tiện ích.

- Áp dụng linh hoạt lãi suất vay vốn phù hợp với nhiều mốc thời gian: 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, 5 tháng, ... hay áp dụng lãi suất lũy tiến đối với gửi món với số tiền lớn, thời gian dài hơn lãi suất cao hơn.

Việc áp dụng cơ chế lãi suất huy động vốn một cách linh hoạt sẽ khuyến khích và thu hút khách hàng, các tổ chức gửi tiền nhiều hơn và thời gian dài hơn nếu họ chưa thật sự thấy cần thiết phải thanh toán ngay các khoản phải trả. Đối với các sản phẩm huy động vốn trung dài hạn, ngân hàng cho khách hàng rút lãi trước và mức lãi suất phải cao hơn loại tiền gửi ngắn hạn ở mức thỏa đáng có lợi thực sự cho khách hàng. Dưới góc độ ngân hàng kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc lãi suất huy động vừa phải đảm bảo cho người gửi tiền không chỉ có lãi mà phải cần có mức lãi suất hấp dẫn, trong nhiều trường hợp nhất định có thể xác định lãi suất huy động vốn cao hơn lãi suất cho vay ở mức thấp nhất.

d) Tăng cường công tác tiếp thị

- Mở rộng công tác tiếp thị, quảng cáo để vận động các cá nhân mở tài khoản tại chi nhánh; ký hợp đồng với các doanh nghiệp chi trả lương cho công nhân qua tài khoản mở tại chi nhánh; làm dịch vụ chi trả tiền điện, nước, điện thoại, ...

- Thành lập các tổ huy động tại các thôn, xã sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi, rút tiền của bà con nông dân tại các vùng xa.

- Thực hiện các cam kết trong việc gửi, rút tiền, chi trả tiền lãi thuận lợi để đảm bảo uy tín của chi nhánh trong tâm lý người dân. Đây là yếu tố quan trọng không những trong công tác huy động vốn mà còn có ý nghĩa rất lớn trong công tác mở rộng cho vay tại chi nhánh.

3.2.3.2. Nâng cao trình độ cho CBNV, phát triển nguồn nhân lực

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức của đội ngũ CBNV, bao gồm:

trình độ, năng lực, kinh nghiệm cũng như đạo đức nghề nghiệp là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả mở rộng cho vay, là một điều kiện tiên đề quyết định sự thành công của các giải pháp.

- Công tác đào tạo tập trung trước hết cho việc nắm vững mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như của NHNN, thành thạo chuyên môn nghiệp vụ ngân hàng, nhất là nghiệp vụ tín dụng. Ngoài nghiệp vụ chuyên môn cần có kiến thức tổng thể về kinh tế thị trường, nhanh nhạy nắm bắt thông tin, am hiểu pháp luật, hiểu biết một số lĩnh vực có liên quan đến nghiệp vụ tín dụng.

- Công tác huấn luyện tập trung vào những kỹ năng cụ thể như kỹ năng tiếp cận khách hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán hiện đang là những kỹ năng mà các nhân viên ngân hàng vẫn chưa được đào tạo bài bản. Ngoài ra, những kỹ năng về thẩm định và phân tích tín dụng, kỹ năng định giá, kỹ năng soạn thảo văn bản, ... là những kỹ năng mà nhân viên có được đào tạo nhưng cần phải được cập nhật cho phù hợp với bối cảnh mới.

Ngoài ra, hằng năm ngân hàng cần tổ chức các đợt thi nghiệp vụ nhằm khuyến khích CBNV trau dồi nghiệp vụ, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó, ngân hàng cần chú trọng tới công tác bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm và thường xuyên bám sát cơ sở, tiếp cận khách hàng để nắm bắt kịp thời những biến động của khách hàng, từ đó có những cách thức đối phó cho phù hợp.

3.2.3.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động quản trị ngân hàng

Hoạt động ngân hàng đang phát triển theo hướng “ngân hàng điện tử”. Đó là những đòi hỏi thách thức đối với NHNo&PTNT Việt Nam nói chung và Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang nói riêng trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập hiện nay. Mặc dù, việc ứng dụng công nghệ mới tạo nên

nhiều rủi ro mới, nhiều thách thức mới nhưng các ngân hàng không thể có lựa chọn nào khác ngoài cách phải áp dụng các công nghệ hiện đại vào hoạt động ngân hàng nói chung, hoạt động tín dụng nói riêng.

Trong những năm qua, NHNo&PTNT Việt Nam đã triển khai rộng rãi từ cấp Trung ương đến các chi nhánh và phòng giao dịch trong toàn hệ thống về hiện đại hóa công nghệ thông tin trong lĩnh vực ngân hàng. Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang cần khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng và các phần mềm quản lý hiện đại. Mặt khác, qua thực tiễn sử dụng, cũng cần phát hiện những mặt bất cập, không phù hợp để có những kiến nghị xác đáng với ngân hàng cấp trên để hoàn thiện hệ thống, bảo đảm khai thác tối ưu hệ thống phục vụ quản trị ngân hàng.

Bản thân Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang, xuất phát từ thực tiễn đặc thù của hoạt động quản trị tín dụng có thể có những đề xuất về các hệ thống phần mềm phù hợp phục vụ cho công tác quản trị tín dụng. Xây dựng phương án phát triển và ứng dụng công nghệ trên cơ sở xác định mục tiêu hoạt động, chiến lược kinh doanh, xác định khách hàng mục tiêu, khách hàng tiềm năng để từ đó có sự ứng dụng công nghệ tương ứng phù hợp tạo điều kiện khai thác hiệu quả tính năng của công nghệ hiện đại.

3.2.3.4. Phối hợp giữa ngân hàng và các ngành liên quan trong quá trình mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang

Cấp ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành và các đoàn thể có vai trò quan trọng trong việc mở rộng hoạt động tín dụng của ngân hàng, từ khi xác định dự án vay vốn để phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đến khi xét duyệt cho vay. Đơn đốc, giám sát việc trả nợ và hỗ trợ ngân hàng xử lý các trường hợp vi phạm cơ chế tín dụng. Vì vậy, để công tác mở rộng hoạt động tín dụng của chi nhánh trong thời gian đến đảm bảo được hiệu quả, cần

chú trọng xây dựng mối quan hệ với các ban ngành, chính quyền địa phương, cụ thể là:

- Tạo được mối quan hệ, gắn kết giữa chính quyền địa phương và ngân hàng. Thường xuyên có chương trình làm việc, hội báo, báo cáo của chi nhánh ngân hàng với chính quyền địa phương. Đồng thời, chi nhánh ngân hàng phối hợp, tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo, hoạt động văn hóa - thể thao ở địa phương, quan tâm đến các ngày lễ, ngày tết do địa phương tổ chức.

- Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế của địa phương, chi nhánh ngân hàng cùng với chính quyền địa phương xác định đối tượng, nhu cầu, mục đích đầu tư phù hợp với từng xã cho từng thời kỳ. Đồng thời, định kỳ tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế của việc sử dụng vốn vay của các đối tượng, để từ đó ngân hàng có sự uốn nắn, bổ sung đảm bảo cho mở rộng hoạt động tín dụng có hiệu quả.

- Cán bộ lãnh đạo, nhân viên tín dụng được phân nhiệm vụ phụ trách các vùng trên địa bàn phải thường xuyên tham gia các cuộc họp của xã nơi cán bộ tín dụng đang quản lý để nắm bắt, và xử lý kịp thời những nhu cầu, những vướng mắc của người dân.

- Định kỳ, chi nhánh ngân hàng cùng với chính quyền địa phương đánh giá, phân tích, tổng kết, nhận xét một cách khách quan chất lượng mở rộng hoạt động cho vay hộ sản xuất trên địa bàn huyện.

3.2.4. Một số kiến nghị

Để công tác mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại chi nhánh đạt hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn cho các đối tượng khách hàng, nâng cao thu nhập người dân, thúc đẩy nền kinh tế - xã hội địa phương ngày càng phát triển, ngoài những nỗ lực từ phía ngân hàng thì cần có sự hỗ trợ của các cơ quan chính quyền các cấp và của ngân hàng cấp trên. Qua phân tích ở trên tác giả có một số kiến nghị cụ thể như sau:

3.2.4.1. Đối với các cơ quan chính quyền các cấp

Chính phủ cần tiếp tục cụ thể hóa chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Đặc biệt là cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đối với hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Trong những năm qua, chính phủ đã ban hành nhiều quy định pháp lý quan trọng liên quan đến hoạt động cho vay. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần được quy định rõ hơn, vì vậy Chính phủ cần xem xét quy định rõ hơn về các vấn đề sau:

- Quy định rõ về hoạt động phát mãi bán đấu giá tài sản đảm bảo của NHTM

- Quy định rõ các trường hợp vô hiệu hoá hợp đồng tín dụng.

- Quy định trách nhiệm rõ ràng cho các cấp, các ngành trong việc xử lý tài sản thế chấp của NHTM. Đồng thời, quy định rõ thời gian thủ tục xử lý các trường hợp này.

- Trách nhiệm pháp lý của khách hàng và ngân hàng trong việc đề xảy ra rủi ro tín dụng cần được phân định rõ. Trong trường hợp khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, kinh doanh kém hiệu quả hoặc cố tình lừa đảo thì khách hàng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Ngân hàng xem như bên bị hại có quyền đề nghị truy tố khách hàng đó để bảo vệ tài sản của ngân hàng. Trong trường hợp này, nếu không có bằng chứng về hành vi thông đồng, trục lợi của ngân hàng không nên hình sự hoá mà chỉ nên xem xét như một quan hệ dân sự. Kinh doanh ngân hàng đồng nghĩa với kinh doanh rủi ro vì vậy rủi ro là một điều không thể tránh khỏi. Do đó, cần có những quy định pháp lý cụ thể, chi tiết để vừa xác định các hành vi cố ý làm trái, trục lợi của nhân viên, vừa bảo vệ các nhân viên ngân hàng, tạo sự yên tâm công tác cho họ trong một môi trường kinh doanh tín dụng càng ngày càng phức tạp như hiện nay.

Chính phủ và chính quyền địa phương tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn. Trước mắt, ưu tiên vốn để xây dựng hệ thống đường giao thông, tạo điều kiện để lưu thông hàng hóa từ nông thôn đến thành thị, liên kết kinh tế vùng với kinh tế khu vực, từng bước xóa bỏ kinh tế theo địa giới hành chính trong quá trình hội nhập.

Có chính sách đào tạo nghề cho lực lượng lao động ở nông thôn.

Có cơ chế hỗ trợ cho những vùng có làng nghề truyền thống nhằm phát huy và nâng cao năng lực cạnh tranh đối với những sản phẩm truyền thống này.

Tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển chủ động, linh hoạt theo xu hướng tự nhiên có sự hỗ trợ của Nhà nước. Nhà nước không nên can thiệp sâu vào công việc sản xuất, kinh doanh của họ. Cấp ủy, chính quyền địa phương cần hết sức tránh tình trạng chủ quan, duy ý chí, ép dân phải trồng cây, con theo phong trào, theo Nghị quyết.

Tiêu thụ sản phẩm cho nông nghiệp. Đây là vấn đề mang tính vĩ mô mà bản thân người dân không tự giải quyết được, do vậy đòi hỏi phải có sự trợ giúp từ Chính phủ và các Bộ, Ngành từ dự báo đến tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Chính phủ nên giành một phần vốn ngân sách để trợ giá các sản phẩm nông nghiệp khi nông dân được mùa nhưng rớt giá.

Xây dựng các mô hình hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật về với hộ sản xuất, vừa giúp họ liên kết làm ăn, vừa tạo chất lượng, giá thành sản phẩm để cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Cơ sở pháp lý cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn cần được hoàn chỉnh, trong đó việc đẩy mạnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở để người dân có tài sản bảo đảm tiền vay khi quan hệ giao dịch với ngân hàng, hình thành cơ sở pháp lý mà ngân hàng cần phải có.

3.2.4.2. Đối với Chi nhánh NHNo&PTNT thành phố Đà Nẵng và NHNo &PTNT Việt Nam

Hỗ trợ mọi mặt cho chi nhánh, trong đó tập trung hỗ trợ về tiếp cận thị trường, tiếp cận khách hàng lớn có liên quan đến địa bàn, hỗ trợ tiếp cận cho vay các dự án đầu tư.

Tăng cường trang thiết bị, hiện đại hóa cơ sở vật chất của chi nhánh.

Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện tập trung.

Nâng cao tính tự chủ trong hoạt động mở rộng cho vay tại chi nhánh.

Kịp thời triển khai xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ nhằm hỗ trợ cho quản trị rủi ro. Nghiên cứu đưa vào áp dụng mô hình quản trị rủi ro phù hợp với các quy định hiện hành, đặc điểm hoạt động của hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 của luận văn đã giải quyết các vấn đề sau:

- Phân tích các căn cứ đề xuất giải pháp bao gồm: định hướng phát triển của huyện Hòa Vang, định hướng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang và một số vấn đề có tính nguyên tắc khi đề xuất giải pháp.

- Đề xuất các giải pháp nhằm mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.

- Luận văn cũng đề xuất các kiến nghị với các cơ quan chính quyền các cấp; kiến nghị đối với Chi nhánh NHNo&PTNT thành phố Đà Nẵng và NHNo&PTNT Việt Nam. Các kiến nghị này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các giải pháp đã đề xuất.

KẾT LUẬN

Là một NHTM hoạt động trên địa bàn nông thôn mà nghiệp vụ chủ yếu là cho vay, trong đó số lượng khách hàng quan hệ vay vốn chiếm tỷ trọng cao nhất là hộ sản xuất. Tuy nhiên, trong những năm qua công tác mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang vẫn chưa đáp ứng được hết nhu cầu vay vốn của người dân, chưa đầu tư đồng vốn đúng đối tượng và đạt hiệu quả. Để khẳng định vị thế của mình trong môi trường nền kinh tế ngày càng cạnh tranh thì đòi hỏi chi nhánh phải phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong định hướng, mục tiêu phát triển của mình mà nhất là mở rộng, tăng trưởng cho vay đến hộ sản xuất nhằm góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân, thúc đẩy nền kinh tế - xã hội tại địa phương phát triển; đồng thời tăng hiệu quả kinh doanh tại đơn vị, đảm bảo thu nhập cho toàn thể CBCNV trong chi nhánh.

Qua quá trình nỗ lực nghiên cứu, luận văn đã đạt được một số kết quả nghiên cứu chủ yếu sau:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động cho vay của NHTM.

- Phân tích, lý giải các vấn đề liên quan đến mở rộng cho vay của NHTM; hoạt động cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn của NHTM.

- Phân tích, đánh giá thực trạng mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang dựa trên các tiêu chí đánh giá, quá trình mở rộng cho vay đã được nêu ở chương 1.

- Phân tích những kết quả, hạn chế và một số nguyên nhân ảnh hưởng đến việc mở rộng cho vay đối với hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp -

nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.

- Phân tích các căn cứ đề xuất giải pháp và đề xuất các giải pháp nhằm mở rộng cho vay hộ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn tại Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang.

- Luận văn cũng đề xuất các kiến nghị với các cơ quan chính quyền các cấp; kiến nghị đối với Chi nhánh NHNo&PTNT thành phố Đà Nẵng và NHNo&PTNT Việt Nam. Các kiến nghị này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các giải pháp đã đề xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang, Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2007, 2008, 2009 và 2010.
- [2] Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Hòa Vang, Báo cáo tín dụng năm 2007, 2008, 2009 và 2010.
- [3] Chính phủ Nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam (2010), Nghị định số 41/2010/NĐ-CP.
- [4] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn bản qui phạm pháp luật từ năm 2005 đến năm 2010
- [5] NHNo&PTNT Việt Nam (2009), Đề án mở rộng và nâng cao hiệu quả đầu tư vốn cho Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn đến năm 2010; Định hướng đến năm 2020.
- [6] NHNo&PTNT Việt Nam, Sổ tay tín dụng.
- [7] NHNo&PTNT Việt Nam, Văn bản qui phạm pháp luật từ năm 2005 đến năm 2010.
- [8] Quốc hội khóa 12 (2010), Luật các tổ chức tín dụng.
- [9] Ủy ban Nhân dân huyện Hòa Vang (2010), Quy hoạch Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hòa Vang đến năm 2020.
- [10] Ủy ban Nhân dân huyện Hòa Vang, Báo cáo tình hình thực hiện phát triển KTXH – ANQP năm 2010 và Kế hoạch phát triển KTXH – ANQP năm 2011.
- [11] Viện Chiến lược Ngân hàng (2009), Tín dụng Nông nghiệp, Nông thôn.

